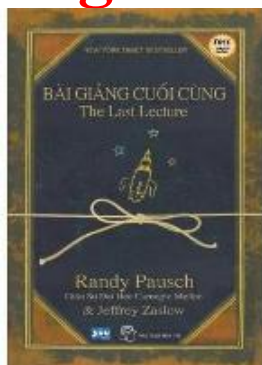


Bài Giảng Cuối Cùng



Dr Randy Pausch
Vũ Duy Mẫn Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 10-07-2015

Người thực hiện :

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Bài Giảng Cuối Cùng (phần 1)

Lời Giới Thiệu

I. Bài Giảng Cuối Cùng (phần 2)

01. Con sư tử bị thương vẫn muốn gặm
02. Cuộc đời của tôi trong chiếc máy tính
03. Con Voi ở trong Phòng

II. Thật Sự Đạt Được Những Ước Mơ Tuổi Thơ - Bài Giảng Cuối Cùng (phần 3)

04. Xổ số Cha Mẹ
05. Thang máy ở nhà trệt
06. Đạt trạng thái không trọng lượng
07. Không vào được Liên đoàn Bóng bầu dục Quốc gia
08. Bạn sẽ tìm thấy tôi ở vãn “V”
09. Những kỹ năng để lãnh đạo
10. Thắng lớn
11. Nơi hạnh phúc nhất trên trái đất

III. Kỳ 4: Khích Lệ Những Ước Mơ

Có một người viễn vông
Star wars - ví dụ từ bộ phim đình đám
IV.Kỳ cuối: Có Ba Trên Bất Cứ Con Đường Nào Con Chọn
Người đi tìm kỷ niệm
Hãy trở thành người mà các con muốn trở thành
Tôi có một câu trả lời rất thẳng thắn.

---o0o---

Bài Giảng Cuối Cùng (phần 1)

Bài giảng cuối cùng

Randy Pausch

Giáo sư, Đại học Carnegie Mellon

cùng

Jeffrey Zaslow

Người dịch: Vũ Duy Mẫn

Dịch từ nguyên bản: The Last Lecture – Randy Pausch and Jeffrey Zaslow

HYPERION – NEW YORK – 2008

2008 Randy Pausch

Với lời cảm ơn tới cha mẹ tôi, những người đã tạo điều kiện để tôi mơ ước, và với hy vọng cho những ước mơ mà các con tôi sẽ có.

Ngày 18 tháng 9 năm 2007, Randy Pausch, giáo sư tin học Đại học Carnegie Mellon, đã thuyết trình bài giảng nhan đề “Thật Sự Đạt Được Những Ước Mơ Tuổi Thơ” trước cử tọa hơn 400 người. Với ảnh chụp cắt lớp chiếu lên tường, Randy cho cử tọa biết căn bệnh ung thư đang tàn phá và sẽ cướp đi mạng sống của ông trong vài tháng tới. Trên bục giảng ngày hôm đó, Randy trông rất trẻ trung, đầy sức sống, đẹp trai, phấn khởi và tươi vui. Trông ông như một nhà vô địch. Nhưng đó chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi, như chính ông sau này thú nhận.

Bài giảng của Randy đã trở thành một hiện tượng, giống như cuốn sách ông viết dựa trên cùng ý tưởng, ngợi ca những ước mơ mà tất cả chúng ta đều tranh đấu để biến thành hiện thực. Thật đáng buồn là cuối cùng Randy đã thua trong cuộc đấu với căn bệnh ung thư vào ngày 25 tháng 7 năm 2008. Nhưng di sản của ông vẫn tiếp tục truyền cảm hứng cho chúng ta và nhiều thế hệ mai sau.

---o0o---

“Chúng ta không đòi được những quân bài đã chia, chỉ có thể đổi cách chơi những quân bài đó.”

- Randy Pausch

---o0o---

Đã có nhiều giáo sư thực hiện các thuyết trình mang tựa đề “Bài giảng Cuối cùng” trước khi chia tay với giảng đường và thường nói về những thất bại cũng như những gì ý nghĩa nhất đối với họ. Và trong khi họ thuyết trình, cử tọa cũng day dứt với cùng câu hỏi: Có thể truyền đạt những thông điệp gì nếu đây là cơ hội cuối cùng của ta? Nếu ngày mai phải ra đi, thì ta muốn cái gì sẽ là di sản của ta để lại?

Khi Randy Pausch, giáo sư tin học tại Carnegie Mellon, được yêu cầu thuyết trình một bài giảng như vậy, ông đã hình dung đó sẽ là buổi thuyết trình cuối cùng của mình, bởi ông vừa bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối. Nhưng bài giảng của ông – “Thật Sự Đạt Được Những Ước Mơ Tuổi Thơ” – không phải là về cái chết, mà lại là về việc vượt qua các trở ngại, về việc giúp cho những ước mơ của những người khác, về việc tận dụng mọi khoảnh khắc thời gian (bởi “thời gian là tất cả những gì bạn có ... và một ngày nào đó bạn sẽ thấy bạn có ít hơn là bạn tưởng”). Đó là đúc kết những gì mà Randy tâm đắc. Đó là về *cuộc sống*.

Trong cuốn sách này, Randy Pausch đã kết hợp được sự hài hước, sự cuốn hút, và trí thông minh để làm cho bài giảng của ông trở thành một hiện tượng và tạo một hình ảnh khó phai mờ. Đây là cuốn sách sẽ được chia sẻ bởi nhiều thế hệ tương lai.

---o0o---

Randy Pausch là giáo sư về Tin học, Tương tác Người Máy, và Thiết kế của Đại học Carnegie Mellon. Từ 1988 tới 1997, ông dạy tại Đại học Virginia. Ông là giáo sư và nhà nghiên cứu được nhiều giải thưởng, đã cộng tác với Adobe, Google,

Electronic Arts (EA), và Walt Disney Imagineering, và khởi xướng đề án Alice. Ông sống tại Virginia với vợ và ba con.

Jeffrey Zaslow, một nhà báo của Wall Street Journal, đã dự Bài giảng Cuối cùng, và viết câu chuyện của Randy để giúp lôi cuốn được sự quan tâm rộng lớn của người đọc. Ông sống tại ngoại ô Detroit với vợ, Sherry, và các con gái Jordan, Alex, và Eden.

---o0o---

Lời Giới Thiệu

Tôi có một vấn đề kỹ thuật. Trong khi đa phần cơ thể là khỏe mạnh, tôi có mười khối u ở gan và chỉ còn một vài tháng để sống.

Tôi kết hôn với người đàn bà lý tưởng của tôi, và là cha của ba đứa con nhỏ. Đáng lẽ tôi phải sầu não cho thân phận của mình, nhưng như vậy sẽ chẳng mang lại điều tốt lành nào cho vợ con, hoặc cho tôi.

Vậy, nên sử dụng khoảng thời gian ít ỏi còn lại này như thế nào đây?

Hiển nhiên là tôi nên sống và chăm sóc cho gia đình mình. Trong khi vẫn còn sức lực, tôi sẽ dành mọi thời gian cho vợ con, làm những điều thiết thực nhất để việc họ bước vào cuộc sống thiếu vắng tôi được dễ dàng hơn.

Phần ít hiển nhiên hơn là làm thế nào để dạy các con tôi những gì mà đáng ra tôi có thể dạy chúng trong hai mươi năm tới đây. Các con tôi còn quá nhỏ để có thể cùng trao đổi với tôi. Tất cả các bậc cha mẹ đều muốn dạy con biết phân biệt cái đúng với cái sai, dạy những gì ta nghĩ là quan trọng, và dạy chúng nên hành xử như thế nào trước những thách thức do cuộc sống mang tới. Chúng ta cũng muốn con cái biết một vài câu chuyện từ cuộc đời của chúng ta, đó thường là cách để dạy con cái tự sống cuộc đời của chúng. Mong muốn làm điều đó đã đưa tôi tới việc thực hiện “bài giảng cuối cùng” tại Đại học Carnegie Mellon¹.

Những bài giảng này bao giờ cũng được ghi hình. Tôi biết tôi đã làm những gì ngày hôm đó. Dưới meo đọc một bài giảng hàn lâm, tôi đã thử đưa tôi vào một chiếc lọ, để một ngày nào đó, chiếc lọ sẽ trôi dạt trở về bãi biển, đến với các con tôi. Nếu là họa sĩ, tôi đã vẽ cho các con tôi. Nếu là nhạc sĩ, tôi đã sáng tác nhạc. Nhưng tôi lại là thầy giáo. Vậy nên tôi giảng bài.

Tôi đã nói về niềm vui của cuộc sống, rằng tôi yêu cuộc sống như thế nào, ngay cả khi cuộc sống của chính tôi chỉ còn rất ngắn. Tôi nói về sự trung thực, sự toàn vẹn, sự biết ơn, và những thứ khác mà tôi trân trọng. Và tôi đã rất cố gắng để những điều tôi nói không trở thành buồn chán.

Cuốn sách này là một cách giúp tôi tiếp tục những gì tôi đã bắt đầu trên bục giảng. Bởi thời gian là hết sức eo hẹp, và tôi muốn dành nhiều nhất như có thể cho các con tôi, nên tôi đã nhờ Jeffrey Zaslow giúp đỡ. Hàng ngày, tôi đạp xe quanh khu tôi ở để tập luyện. Trong năm mươi ba lần đạp xe như vậy, tôi đã chuyện trò với Jeff qua điện thoại di động. Jeff đã dành rất nhiều giờ để giúp chuyển những câu chuyện của tôi – có thể gọi là năm mươi ba “bài giảng” – thành cuốn sách dưới đây.

Không có gì có thể thay thế được việc có cha mẹ sống bên cạnh. Nhưng đâu phải lúc nào ta cũng có được giải pháp hoàn hảo, vậy cần cố làm cái tốt nhất như có thể với những tài nguyên hạn hẹp. Cả bài giảng lẫn cuốn sách này là những cố gắng của tôi để thực hiện chính điều đó.

---o0o---

I. Bài Giảng Cuối Cùng (phần 2)

Tác giả: Randy Pausch

Chuyển ngữ: Vũ Duy Mẫn

01. Con sư tử bị thương vẫn muốn gầm

Rất nhiều giáo sư đã có những buổi nói chuyện nhan đề “Bài giảng Cuối cùng”. Và có thể bạn đã dự một buổi như vậy.

Việc đó đã thành thường lệ ở các đại học. Các giáo sư được yêu cầu nói về những thất bại và về những gì có ý nghĩa nhất đối với họ. Và trong khi họ thuyết trình, cử tọa cũng day dứt với cùng câu hỏi: Có thể truyền đạt những thông điệp gì nếu đây là cơ hội cuối cùng của ta? Nếu ngày mai phải ra đi, thì ta muốn cái gì sẽ là di sản của ta để lại?

Từ nhiều năm nay, Carnegie Mellon có chương trình “Bài giảng Cuối cùng.” Vào thời điểm ban tổ chức yêu cầu tôi tham gia, họ đã đổi tên chương trình thành “Những Hành trình,” chọn một số giáo sư thuyết trình các suy nghĩ về những hành

trình cá nhân và nghề nghiệp của họ. Đó chẳng phải là một tiêu đề thật thú vị, nhưng tôi đã nhận lời và được xếp lịch thuyết trình tháng Chín.

Thời điểm này, tôi đã bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư tụy (pancreatic), nhưng vẫn lạc quan. Biết đâu, tôi thuộc những người may mắn sẽ sống sót.

Trong khi đang chữa trị, ban tổ chức chương trình gửi mấy e-mail hỏi tôi “Ông sẽ thuyết trình về cái gì?”. “Xin hãy cho một tóm tắt.” Có những quy định không thể bỏ qua được, kể cả khi ta đang bận rộn với những việc khác, chẳng hạn như đang cố gắng để thoát chết. Giữa tháng Tám, tôi được báo là cần phải in một áp phích về bài giảng của tôi, do vậy tôi phải quyết định về chủ đề.

Và cũng đúng tuần lễ đó, tôi nhận được tin phương thức điều trị gần đây nhất của tôi không đạt hiệu quả. Tôi chỉ còn vài tháng để sống.

Tôi biết tôi có thể hủy bài giảng. Mọi người sẽ cảm thông. Bỗng nhiên, tôi thấy còn biết bao việc khác cần phải hoàn thành. Tôi phải đối diện với nỗi đau của mình và với nỗi buồn của những người yêu thương tôi. Tôi phải dành tâm sức để thu xếp ổn thỏa các công việc gia đình. Mặc dù thế, tôi vẫn không thể dứt bỏ được ý tưởng thực hiện bài giảng. Tôi bị kích thích bởi ý nghĩ mình sẽ làm một bài giảng mà nó thực sự là bài giảng cuối cùng. Tôi sẽ nói những gì? Những điều đó sẽ được đón nhận ra sao? Liệu tôi có thể thực hiện nó một cách trọn vẹn không?

“Họ sẽ cho anh rút lui,” tôi nói với Jai, vợ tôi, “nhưng thật tình là anh muốn thực hiện nó.”

Jai (phát âm là “Jay”) luôn là cổ động viên của tôi. Khi tôi yêu thích điều gì, thì cô cũng yêu thích điều đó. Tuy nhiên cô đã hoài nghi toàn bộ ý tưởng về bài giảng cuối cùng này. Chúng tôi vừa chuyển từ Pittsburgh² về vùng Đông Nam Virginia³ để sau khi tôi mất, Jai và các con được ở gần gia đình bên cô. Jai thấy tôi nên dành khoản thời gian rất quý báu của mình cho các con, hoặc để thu xếp chỗ ở mới, thay vì phung phí cho việc soạn bài giảng và bay tới Pittsburgh để thuyết trình.

“Cứ cho là em ích kỷ,” Jai bảo tôi. “Nhưng em muốn có anh. Bất cứ khoản thời gian nào anh dành cho việc chuẩn bị bài giảng đều là khoản thời gian đánh mất, vì những lúc đó anh sẽ tách khỏi các con và em.”



Logan, Chloe, Jai, tôi và Dylan.

Tôi hiểu suy nghĩ của Jai. Kể từ lúc bị bệnh, tôi đã hứa với mình là phải chiều ý Jai và làm theo những mong muốn của cô. Tôi thấy trách nhiệm của mình là làm tất cả những gì có thể được để giảm bớt những gánh nặng mà bệnh tật của tôi đã mang đến cho cuộc đời cô. Đó là lý do tôi đã dành thật nhiều thời giờ để sắp xếp cho tương lai thiếu vắng tôi của gia đình. Vậy mà tôi vẫn không thoát được khỏi sự thôi thúc thuyết trình bài giảng cuối cùng.

Trong sự nghiệp khoa học của mình, tôi đã có một số buổi thuyết trình khá thú vị. Nhưng được coi là người thuyết trình giỏi nhất của khoa Tin học, thì cũng giống như được coi là người cao nhất trong Bảy Chú Lùn. Lúc đó, tôi có cảm giác mình còn có nhiều khả năng hơn, nếu quyết tâm, tôi có thể đề xuất cho mọi người một điều gì đó thật sự đặc biệt. “Sự thông thái” là một từ nặng ký, nhưng có thể đó chính là nó.

Jai vẫn không hài lòng. Cuối cùng chúng tôi đưa chuyện này ra bàn với Michele Reiss, bác sĩ tâm lý mà chúng tôi đã bắt đầu gặp gỡ từ mấy tháng trước. Bà chuyên giúp các gia đình khi họ có một thành viên mắc bệnh hiểm nghèo.

“Tôi biết Randy,” Jai nói với bác sĩ Reiss. “Anh ấy say công việc. Tôi biết anh ấy sẽ ra sao khi bắt đầu việc soạn bài giảng. Nó sẽ choán hết mọi thứ.” Bài giảng, cô tranh luận, sẽ là một sự phân tâm không cần thiết đối với biết bao việc chúng tôi phải làm lúc này.

Một điều nữa làm Jai thất vọng: để thuyết trình đúng kế hoạch, tôi phải bay tới Pittsburgh ngày hôm trước, đúng vào sinh nhật lần thứ bốn mươi một của Jai. “Đó là sinh nhật cuối cùng của em mà chúng mình cùng kỷ niệm với nhau,” cô nói với tôi. “Anh thực sự sẽ bỏ đi đúng vào sinh nhật của em ư?”

Chắc chắn, phải rời bỏ Jai vào ngày đó là thật đau khổ. Tuy thế, tôi vẫn không thoát được ý nghĩ về bài giảng. Tôi coi đó là thời khắc cuối cùng trong sự nghiệp của mình, là một cách để nói lời từ biệt với bạn bè và đồng nghiệp. Tôi tưởng tượng việc thuyết trình bài giảng cuối cùng cũng giống như việc một cầu thủ bóng chày⁴ (baseball) kết thúc sự nghiệp bằng bàn đưa quả bóng về đích. Tôi rất thích cảnh cuối trong phim *The Natural*⁵, khi cầu thủ cao niên Roy Hobbs⁶, người thấm máu, đánh đường bóng tuyệt đẹp để ghi bàn.

Bác sĩ Reiss lắng nghe Jai và tôi. Bà nói, ở Jai, bà thấy một người phụ nữ mạnh mẽ, đáng yêu, muốn dành nhiều năm tháng để xây đắp một cuộc sống trọn vẹn với chồng và để nuôi con khôn lớn. Còn ở tôi, bà thấy một người đàn ông chưa hoàn toàn sẵn sàng rút lui về cuộc sống ở nhà, và chắc chắn là chưa sẵn sàng để leo lên giường bệnh. “Bài giảng này là lần cuối cùng để nhiều người mà tôi quý mến có thể nhìn thấy tôi bằng da thịt,” tôi nói dứt khoát với bà. “Tôi có một cơ hội để suy nghĩ về những gì là thật sự có ý nghĩa đối với tôi, để chốt kết những gì mọi người sẽ nhớ về tôi, và để làm bất cứ điều gì tốt trước khi tôi đi xa.”

Đã hơn một lần, bác sĩ Reiss thấy Jai và tôi ngồi trên ghế phòng khám của bà, nắm chặt tay nhau, cả hai cùng trào nước mắt. Bà nói bà thấy chúng tôi thật tôn trọng nhau, và bà rất xúc động bởi sự cố gắng của chúng tôi để sống trọn vẹn những ngày cuối cùng. Nhưng bà cũng nói không phải trách nhiệm của bà để cân nhắc xem tôi có nên thực hiện bài giảng hay không. “Anh phải tự quyết định lấy việc này,” bà nói, và động viên chúng tôi hãy thực sự lắng nghe nhau để có thể đưa ra quyết định đúng đắn cho cả hai người.

Do tính trầm lặng của Jai, tôi biết mình cần trung thực xem lại những động cơ của mình. Tại sao buổi thuyết trình này lại quan trọng đối với tôi như vậy? Có phải đó là một cách để nhắc nhở tôi và mọi người rằng tôi vẫn còn sống? Để chúng tôi vẫn còn dũng khí để làm việc? Có phải đó là sự thôi thúc gây chú ý để khoe khoang một lần cuối? Câu trả lời là đúng đối với tất cả. “Một con sư tử bị thương muốn biết nó có còn gầm nổi không,” tôi nói với Jai. “Đó là phẩm giá và lòng tự trọng, không hẳn giống như tính kiêu căng.”

Ngoài ra cũng còn một việc nữa. Tôi phải bắt đầu coi bài giảng là một phương tiện cho tôi bước vào tương lai mà tôi sẽ không bao giờ được thấy.

Tôi nhắc Jai về tuổi của các con: năm, hai và một. “Xem này,” tôi nói. “Với năm tuổi, anh chắc Dylan lớn lên sẽ có vài ký ức về anh. Nhưng, nó sẽ thật sự nhớ được bao nhiêu? Em và anh, mình còn nhớ những gì lúc mình năm tuổi? Liệu Dylan có nhớ anh đã chơi với nó như thế nào, hay nó và anh đã cười đùa với nhau về những gì? Chắc là sẽ rất mơ hồ.”

“Còn với Logan và Chloe thì sao? Chắc chúng sẽ chẳng có ký ức nào cả. Hoàn toàn không. Nhất là Chloe. Và anh có thể nói với em rằng: khi các con lớn thêm, chúng sẽ trải qua giai đoạn có nhu cầu bức thiết để hỏi em: “Ai là cha của con? Cha con là người như thế nào?” Bài giảng này có thể giúp cho chúng một câu trả lời.” Tôi nói với Jai tôi sẽ đảm bảo đề Carnegie Mellon ghi hình buổi thuyết trình. “Anh sẽ có một đĩa hình cho em. Khi các con lớn hơn, em có thể cho các con xem. Nó sẽ giúp chúng hiểu anh là ai và anh yêu quý những gì.”

Jai nghe tôi, rồi đặt câu hỏi rất hiển nhiên. “Nếu anh có những điều cần nói với các con, hoặc những lời khuyên nhủ chúng, sao không dùng máy quay để ghi băng ngay ở nhà?”

Có thể cô đã thuyết phục được tôi. Hoặc có thể không. Như con sư tử sống trong rừng, nơi ở thiên nhiên của tôi vẫn là trong khuôn viên đại học, trước mặt các sinh viên. “Một điều anh đã học được,” tôi nói với Jai, “là sẽ chẳng thiệt hại gì khi những điều cha mẹ nói với con cái được thêm người ngoài phê chuẩn. Nếu cử tọa của anh tán thưởng và vỗ tay đúng lúc, thì sẽ góp thêm sức nặng cho những gì anh muốn nói với các con.”

Jai cười với tôi, người đàn ông đang chết dần của cô, và cuối cùng đã chấp thuận. Cô biết tôi ao ước tìm cách để lại một di sản cho các con. OK. Có lẽ bài giảng này sẽ là một phương cách để làm điều đó.

Và như vậy, với đèn xanh của Jai, tôi đã có một thách thức trước mặt. Làm thế nào để biến bài giảng hàn lâm thành thứ tiếng dội, vang vọng đến các con tôi trong một thập kỷ hay lâu hơn nữa?

Tôi không muốn bài giảng tập trung vào căn bệnh của mình. Trường thiên bệnh tình của tôi đã là như vậy, và tôi đã trải nghiệm nó. Tôi không muốn đưa ra những tranh luận, như, tôi đã đương đầu với bệnh tật ra sao, hoặc nó đã cho tôi những viễn cảnh mới nào. Nhiều người có thể trông đợi bài thuyết trình là về cái chết. Nhưng nó phải là về sự sống.

“Cái gì làm tôi thành độc đáo?”

Đó là câu hỏi tôi thấy bắt buộc cần đề cập. Trả lời câu hỏi đó sẽ giúp tôi hình dung mình cần nói những gì. Ngồi cùng Jai chờ kết quả xét nghiệm trong phòng đợi ở Johns Hopkins⁷, tôi nói những suy nghĩ của mình với cô.

“Ung thư không làm anh thành độc đáo,” tôi nói. Không phải tranh cãi gì về điều này. Mỗi năm, hơn 37 ngàn người Mỹ bị mắc bệnh ung thư tụy.

Tôi ngẫm nghĩ để tự xác định mình: là một thầy giáo, một nhà tin học, một người chồng, một người cha, một người con, một người bạn, một người em, một người tư vấn (mentor) cho sinh viên. Tất cả các vai đó tôi trân trọng. Nhưng, có vai nào đã làm tôi thành người đặc biệt?

Vì luôn có ý thức nghiêm túc về chính mình, tôi biết bài giảng này cần nhiều thứ hơn là một sự phách lối táo bạo. Tôi tự hỏi: “Tôi thật sự có gì để truyền đạt?”

Rồi ngay tại phòng đợi, tôi đột nhiên biết rất chính xác đó là cái gì. Nó đến với tôi như một tia chớp: Tất cả những gì tôi đạt được, những gì tôi yêu quý, đều bắt nguồn từ những ước mơ và những mục đích mà tôi đã có khi còn là một đứa trẻ thơ... và trên đường đời, tôi đã đạt được hầu như tất cả những ước mơ và mục đích đó. Cái độc đáo của tôi, tôi thấy, đã tới từ sự đặc biệt của tất cả các ước mơ – từ cực kỳ có ý nghĩa tới khá kỳ quặc – nó đã xác định bốn mươi sáu năm của đời tôi. Ngồi đó, tôi biết mặc dù bị ung thư, tôi vẫn là người may mắn bởi đã được sống qua những ước mơ. Và tôi đạt được những ước mơ, phần lớn, là nhờ những gì tôi được dạy dỗ bởi những con người thật đặc biệt. Nếu tôi có thể kể câu chuyện của mình với cảm xúc mạnh mẽ, bài giảng của tôi sẽ giúp những người khác cũng tìm được con đường để hoàn thành những ước mơ của họ.

Có mang theo máy tính tới phòng đợi, và được khích động bởi sự hiển linh, tôi gõ nhanh một e-mail cho ban tổ chức. Tôi nói cuối cùng tôi đã có tiêu đề bài giảng cho họ. “Tôi xin lỗi về sự chậm trễ,” tôi viết. “Hãy gọi bài giảng là: ‘Thật Sự Đạt Được Những Ước Mơ Tuổi Thơ.’”

---o0o---

02 .Cuộc đời của tôi trong chiếc máy tính

Có thể sắp xếp lại chính xác các ước mơ tuổi thơ của mình như thế nào? Làm sao để mọi người có thể liên kết được với những ước mơ tuổi thơ của họ? Là một nhà khoa học, trước đây tôi đã không mấy để ý tới những câu hỏi như vậy.

Bốn ngày liền, tôi ngồi bên máy tính trong ngôi nhà mới ở Virginia, quét ảnh để chuẩn bị bài thuyết trình bằng PowerPoint⁸. Tôi quen tư duy trực quan, nên bài thuyết trình sẽ không cần văn bản. Tôi thu thập 300 ảnh của gia đình, sinh viên và đồng nghiệp, cùng những hình đặc sắc có thể minh họa cho những mơ ước tuổi thơ. Tôi ghi vài lời lên mỗi hình để khi đứng trên bục giảng, chúng sẽ nhắc tôi cần nói những gì.

Trong khi chuẩn bị bài, cứ chín mươi phút tôi lại đứng dậy chơi với các con. Jai thấy sự cố gắng của tôi, nhưng vẫn nghĩ tôi đã dành quá nhiều thời gian cho bài giảng, nhất là lại vào lúc chúng tôi vừa chuyển tới ngôi nhà mới. Cô muốn tôi phải sắp xếp những thùng đồ còn chất ngồn ngang quanh nhà.

Lúc đầu Jai không định dự buổi thuyết trình. Cô thấy cần ở lại Virginia với các con và giải quyết một đồng thứ phát sinh do việc chuyển nhà. Còn tôi thì vẫn kiên trì nhắc “Anh muốn em có mặt.” Sự thực là tôi hết sức cần cô ở đó. Cuối cùng cô đồng ý sẽ bay tới Pittsburgh vào sáng ngày tôi thuyết trình.

Tôi phải tới Pittsburgh trước một ngày, do vậy, lúc 1 giờ 30 chiều 17 tháng Chín, ngày Jai tròn bốn mươi một tuổi, tôi hôn tạm biệt vợ và các con rồi lái xe ra sân bay. Chúng tôi đã kỷ niệm sinh nhật Jai ngày hôm trước với bữa liên hoan nhỏ ở nhà anh của cô. Dù vậy, việc lên đường của tôi vẫn là một nhắc nhở không vui với Jai rằng cô sẽ không có tôi cho sinh nhật này và tất cả các sinh nhật kế tiếp.

Tới Pittsburgh, tôi được Steve Seabolt đón tại sân bay. Anh là bạn tôi, vừa từ San Francisco⁹ bay đến. Chúng tôi thân thiết nhau từ mấy năm nay, khi tôi làm việc trong thời gian nghỉ sabbatical¹⁰ tại Electronic Art, một hãng làm các trò chơi video, nơi anh là một giám đốc. Chúng tôi đã trở thành thân thiết như anh em.

Steve và tôi ôm chào nhau, thuê một chiếc xe, vừa lái vừa kể những chuyện vui. Steve nói anh vừa đến nha sĩ còn tôi thì khoác lác rằng sẽ không bao giờ cần tới bác sĩ răng nữa.

Chúng tôi dừng lại ở một quán ăn nhỏ. Tôi đặt máy tính lên bàn, lướt nhanh qua các hình của bài thuyết trình, nay đã được cắt xuống còn 280. “Vẫn còn dài quá,” Steve nói. “Mọi người sẽ chết mất khi cậu kết thúc bài giảng.”

Người phục vụ, một cô gái tóc vàng độ tuổi ba mươi đang mang thai, tới bàn đúng lúc bức ảnh chụp các con tôi ở trên màn hình. “Các cháu bé thật xinh,” cô nói, và hỏi tên các con tôi. Tôi bảo cô: “Đây là Dylan, Logan, Chloe, ...” Cô nói con gái cô cũng tên Chloe, và cả hai chúng tôi cùng cười vì sự trùng lặp đó. Steve cùng tôi tiếp tục xem các hình trên PowerPoint.

Khi cô gái mang thức ăn tới, tôi chúc mừng cô sắp có con. “Chắc chắn là cô rất vui mừng,” tôi nói.

“Không hẳn như vậy,” cô đáp. “Đó chỉ là một sự ngẫu nhiên.”

Khi cô bước đi, tôi ngạc nhiên về sự thẳng thắn của cô. Lời nói ngẫu hứng của cô nhắc nhở tôi về những nhân tố ngẫu nhiên tham gia vào cả sự sinh ra với cuộc sống ... và sự ra đi vào cõi chết. Đây là người đàn bà, có một đứa con qua một sự ngẫu nhiên, mà chắc chắn cô sẽ yêu thương nó. Còn với tôi, qua sự ngẫu nhiên của căn bệnh ung thư, tôi sẽ phải bỏ lại ba đứa con lớn lên thiếu vắng tình thương yêu của cha.

Một tiếng sau, một mình trong phòng khách sạn, với những ý nghĩ về các con vẫn mung lung trong đầu, tôi tiếp tục cắt bớt và sắp xếp lại các hình cho bài giảng. Kết nối internet vô tuyến trong phòng không được tốt đã gây khó khăn cho việc tìm kiếm tư liệu trên mạng. Thêm nữa, tôi bắt đầu thấy hiệu ứng của đợt hóa trị liệu từ mấy ngày trước. Tôi bị chuột rút, buồn nôn và đau bụng.

Làm việc tới nửa đêm, tôi thiếp đi, rồi hốt hoảng tỉnh dậy lúc 5 giờ sáng. Một phần trong tôi đã hoài nghi liệu bài nói chuyện có được xuôi xẻ. Tôi nghĩ: “Đó là hậu quả của tham vọng muốn nói về cả cuộc đời của mình chỉ trong một tiếng đồng hồ!”

Tôi vẫn loay hoay, cân nhắc, sắp xếp lại các hình. Tới 11 giờ, tôi thấy mọi thứ sáng sủa, mạch lạc hơn. Tất cả rồi sẽ ổn. Tôi đi tắm và mặc đồ. Cuối buổi sáng, Jai từ sân bay tới, rồi cùng ăn trưa với Steve và tôi. Chúng tôi có một cuộc trao đổi nghiêm túc, Steve hứa sẽ giúp quan tâm tới Jai và các con tôi.

1 giờ 30 chiều, một phòng máy tính, nơi tôi đã làm việc rất nhiều thời gian ở đó, được dành để vinh danh tôi; tôi chứng kiến lễ kéo rèm trang tên tôi trên cửa. 2 giờ 15, ngồi trong phòng làm việc, tôi lại cảm thấy thật kinh khủng – hoàn toàn mệt mỏi và kiệt quệ, tưởng lúc lên bục giảng, chắc sẽ phải đóng bộ tã dành cho người lớn mà tôi đã cẩn thận mang theo.

Steve bảo tôi cần nghỉ một chút trên ghế đi vắng và tôi đã nằm xuống, nhưng vẫn đặt máy tính trên bụng để xem lại bài thuyết trình. Tôi cắt thêm sáu mươi hình nữa.

Lúc 3 giờ 30, một vài người đã bắt đầu xếp hàng đợi vào nghe tôi nói. 4 giờ, đứng dậy khỏi ghế, tôi thu mấy thứ đồ, rảo bước qua khuôn viên đại học để tới giảng đường. Còn gần một giờ nữa, tôi sẽ phải lên bục giảng.

03. Con Voi ở trong Phòng

Jai đã đợi ở sảnh, giảng đường chật tới mức bất ngờ – 400 người. Khi tôi bước lên bục để chuẩn bị các thứ, Jai thấy tôi khá bối rối. Tôi không hề tìm bắt ánh mắt của một ai. Cô biết tôi không dám hướng về đám đông, vì như vậy tôi có thể bắt gặp một người bạn, hoặc một sinh viên cũ, và tôi sẽ quá xúc động bởi những giao tiếp ánh mắt đó.

Có tiếng xì xào nơi thính giả. Với những ai tò mò tới để xem một người bị ung thư tụy trông ra sao, chắc sẽ có câu hỏi: đó có phải là tóc thật của tôi không? (Vâng, tôi vẫn còn nguyên tóc qua hóa trị liệu.) Liệu họ có thể cảm nhận là tôi đã rất gần kề cái chết khi nghe tôi nói? (Câu trả lời của tôi: “Hãy đợi xem!”)

Chỉ còn vài phút nữa là bắt đầu, tôi vẫn duyệt lại bài, xóa đi vài hình, sắp xếp lại vài hình khác. Tôi vẫn tiếp tục rà soát cho tới khi có người nào đó nhắc: “Chúng ta đã sẵn sàng.”

Tôi không mặc com lê, không mang cà vạt, không lên bục giảng với áo vét bằng vải len có miếng lót bằng da ở khủy tay như các giáo sư vẫn thường mặc. Thay vào đó, tôi chọn bộ đồ hợp nhất với giấc mơ tuổi thơ tìm thấy trong tủ.

Đảm bảo, thoát nhìn, tôi giống anh chàng ghi thực đơn ở một quầy ăn nhanh. Nhưng thực ra tám hình trên chiếc áo ngắn tay tôi mặc là một biểu tượng danh dự, bởi các imagineer¹¹ của hãng Walt Disney¹² – đều mang nó. Năm 1995, tôi dành sáu tháng nghỉ sabbatical để làm việc như một Disney imagineer. Đó là một điểm sáng của cuộc đời tôi, sự hoàn tất của một ước mơ tuổi thơ. Đó là lý do tại sao tôi lại đeo biển tên “Randy” hình bầu dục được cấp lúc làm việc ở Disney. Tôi muốn tôn vinh kinh nghiệm sống này, và tôn vinh chính Walt Disney, người đã nói câu nổi tiếng, “Nếu bạn dám mơ ước điều gì, bạn sẽ có thể thực hiện được điều đó.”

Tôi cảm ơn thính giả đã tới dự, mở đầu bằng vài câu đùa, rồi nói: “Tôi xin nói để nếu có ai đó ở đây chưa rõ ngọn nguồn, rằng, khi có một con voi ở trong phòng, thì cần giới thiệu nó, cha tôi thường bảo tôi như vậy. Nếu nhìn các ảnh chụp cắt lớp (CT scans¹³), các bạn sẽ thấy có khoảng mười khối u ở gan của tôi, các bác sĩ nói tôi chỉ còn ba tới sáu tháng khỏe mạnh. Đó là một tháng trước đây. Vậy các bạn có thể làm phép tính.”

Tôi chiếu một hình lớn ảnh chụp cắt lớp gan lên tường. Hình mang tựa đề “Con voi ở trong phòng” và tôi vẽ thêm các mũi tên đỏ trỏ vào từng khối u.

Tôi cho hình dừng lại để cử tọa có thể đếm các khối u. “Đúng vậy,” tôi nói. “Đó là sự thật. Chúng ta không thay đổi được, chỉ có thể quyết định phải ứng xử ra sao. Chúng ta không đổi được những quân bài đã chia, chỉ có thể đổi cách chơi những quân bài đó.”

Lúc đó, tôi thực sự cảm thấy khỏe mạnh, sáng khoái, như Randy của ngày xưa, không ngại ngần trước đám đông thánh giả. Tôi biết tôi trông vẫn khá sung sức, và một số người còn khó nhận biết là tôi đã kề gần cái chết. Vậy nên tôi đề cập tới điều này. “Nếu tôi không tỏ ra ốm yếu hoặc buồn rầu như lẽ ra phải thế, thì tôi xin lỗi đã làm các bạn thất vọng,” tôi nói, và sau trận cười của cử tọa, tôi tiếp: “Xin cam đoan, tôi không phủ nhận. Không phải là tôi không biết điều gì đang xảy ra.”

“Gia đình tôi – ba con tôi, vợ tôi – chúng tôi vừa trốn chạy. Chúng tôi mua một ngôi nhà rất đáng yêu ở Virginia, và chúng tôi làm điều này, bởi nơi đó sẽ là chỗ ở tốt hơn cho gia đình trong tương lai.” Tôi chiếu hình ngôi nhà ngoại ô chúng tôi vừa mua. Trên bức hình ghi hàng chữ: “Tôi không phủ nhận.”

Jai và tôi quyết định nhỏ rẽ, rời bỏ ngôi nhà và bạn bè mà chúng tôi yêu quý. Chúng tôi gói ghém mọi thứ, ném mình vào cơn bão tố của việc di chuyển, thay vì chôn chân ở Pittsburgh, chờ tôi chết. Chúng tôi chuyển nhà vì biết rằng khi tôi mất đi, Jai và các con sẽ cần sống gần gia đình lớn của cô để có thể nhận được sự giúp đỡ và thương yêu của họ.

Tôi cũng muốn cử tọa thấy tôi vẫn khỏe mạnh và lạc quan. Cơ thể tôi bắt đầu hồi phục sau đợt hóa trị liệu và phóng xạ kéo dài. Tôi đang trong giai đoạn điều trị duy trì. “Lúc này sức khỏe tôi rất tốt,” tôi nói, “Tôi nghĩ đúng như vậy, sự vĩ đại nhất của ảo giác mà các bạn có thể thấy là tôi thật sự khỏe mạnh. Đúng ra, tôi còn khỏe hơn hầu hết các bạn ở đây.”

Tôi bước qua một bên, tới giữa bục giảng. Vài tiếng trước đó, tôi không dám chắc có đủ sức để làm nổi việc sắp làm, nhưng giờ đây, tôi thấy hoàn toàn tin tưởng. Tôi cúi xuống sàn, và bắt đầu làm các động tác chống tay.

Trong tiếng cười vui và vỗ tay ngạc nhiên của cử tọa, tôi gần như đọc được vẻ lo lắng của mọi người. Đây không phải là một người đang chết. Đây đúng là tôi. Tôi đã có thể bắt đầu.

II. Thật Sự Đạt Được Những Ước Mơ Tuổi Thơ - Bài Giảng Cuối Cùng (phần 3)

Tác giả: Randy Pausch

Chuyển ngữ: Vũ Duy Mẫn

04.Xổ số Cha Mẹ

Tôi đã trúng xổ số cha mẹ.

Tôi được sinh ra cùng với một vé số trúng thưởng, đó là lý do chính để tôi có thể đạt được những ước mơ tuổi thơ của mình.

Mẹ tôi là một giáo viên dạy tiếng Anh khá khắt khe và cổ điển. Bà nghiêm khắc với học sinh, chấp nhận việc các phụ huynh ca thán bà đã đòi hỏi quá nhiều ở con cái họ. Làm con, tôi biết về những yêu cầu cao của mẹ tôi, và thấy đó là vận may của tôi.

Cha tôi là nhân viên y tế, ông tham gia Thế Chiến II và đã dự trận đánh Bulge¹⁴. Ông lập một nhóm phi vụ lợi (non-profit group) giúp trẻ em nhập cư học tiếng Anh. Để kiếm sống, ông có một doanh nghiệp nhỏ bán bảo hiểm ô tô trong nội thành Baltimore. Khách hàng của ông phần lớn là những người nghèo có hồ sơ tín dụng kém, hoặc ít tiền. Ông luôn cố tìm cách kiếm ra bảo hiểm để họ được phép lái xe.

Với cả triệu lý do, cha tôi là vị anh hùng của tôi.

Tôi lớn lên khá thoải mái trong một gia đình trung lưu ở thị trấn Columbia¹⁵, bang Maryland. Tiền chưa bao giờ là một vấn đề trong nhà, chủ yếu do cha mẹ tôi không có nhu cầu chi tiêu nhiều. Họ sống rất thanh đạm. Chúng tôi ít đi ăn tiệm, tới rạp xem phim một hoặc hai lần mỗi năm. “Các con nên xem ti vi,” cha mẹ tôi thường nói. “Nó không tốn tiền. Hoặc tốt hơn, các con nên đến thư viện mượn sách mà đọc.”

Khi tôi hai tuổi và chị tôi bốn tuổi, mẹ đưa chúng tôi đến rạp xiếc. Lúc lên chín, tôi lại muốn đi xem. “Con không cần phải đi nữa,” mẹ tôi nói. “Con đã xem xiếc rồi còn gì.”

Theo chuẩn mực bây giờ, điều đó có vẻ như một sự áp bức, nhưng thực ra với cách sống như vậy, chúng tôi đã có một tuổi thơ thật tuyệt vời. Tôi thấy mình

thành đạt trong cuộc sống như ngày nay, chính bởi tôi có một người mẹ và một người cha đã làm rất nhiều việc đúng đắn.

Chúng tôi không mua sắm nhiều. Nhưng chúng tôi lại nghĩ về mọi thứ. Cha tôi là người ham hiểu biết thời sự, lịch sử và mọi điều liên quan tới cuộc sống. Lớn lên, tôi nhận thấy có hai loại gia đình:

- 1) Loại gia đình cần đến từ điếu trong bữa ăn tối.
- 2) Loại gia đình khác.

Chúng tôi thuộc loại thứ nhất. Hầu như mỗi tối, chúng tôi đều phải tham khảo cuốn từ điếu để trên giá sách cách bàn ăn chừng sáu bước. “Nếu mình có câu hỏi,” cha mẹ tôi nói, “thì cần phải tìm câu trả lời.”

Thói quen bản năng trong gia đình tôi là không ngồi yên như những kẻ lười nhác rồi ngạc nhiên. Chúng tôi biết một cách khác tốt hơn: mở bách khoa toàn thư, mở từ điếu, mở đầu óc của mình.

Cha tôi cũng là người kể chuyện rất tài, ông luôn nói mỗi câu chuyện cần được kể với một lý do. Ông thích những câu chuyện đã trở thành châm ngôn về đạo đức sống. Ông là bậc thầy về loại chuyện như vậy, và tôi đã tiếp thu được những kỹ xảo đó của ông. Bởi vậy chị tôi, Tammy, khi xem trực tuyến bài giảng cuối cùng của tôi, chị đã thấy miệng tôi chuyển động và nghe một giọng nói, nhưng không phải là của tôi. Đó là của cha. Chị biết tôi đã sáng tạo lại khá nhiều điều chọn lọc trong sự thông thái của cha. Tôi không phủ nhận điều đó. Thực ra, lúc đó tôi có cảm giác như đã đội lốt cha tôi trên bục giảng.

Tôi trích dẫn cha tôi hầu như mỗi ngày. Một phần bởi nếu bạn nói về sự khôn ngoan của chính bạn thì người khác thường khó tiêu hóa; còn nếu bạn nói về sự thông thái của một nhân vật thứ ba, thì lại tỏ ra là mình ít kiêu ngạo và dễ được chấp nhận hơn. Tất nhiên, khi có một người như cha tôi ở phía sau hậu thuẫn, bạn sẽ trích dẫn ông mỗi khi có dịp.

Cha tôi đã dạy tôi cách thương lượng trong cuộc sống. Ông nói những điều đại loại: “Không bao giờ nên làm một quyết định, cho tới khi mình bắt buộc phải làm.” Ông cũng nhắc nhở, ngay cả khi ở trên thế mạnh, trong công việc hay trong các mối quan hệ, ta vẫn phải cư xử một cách công bằng. “Bởi khi ngồi ở ghế lái xe,” ông nói, “không có nghĩa là con phải cán chết người khác.”

Sau này, tôi thấy mình đã trích dẫn cha tôi ngay cả những điều mà ông không nói. Theo cách nghĩ của tôi, những lời uyên bác đó vẫn có thể là của cha tôi, dù ông chưa nói ra. Với tôi, ông là người biết mọi thứ.

Mẹ tôi cũng là người hiểu biết nhiều. Suốt cuộc đời, bà luôn thấy có bốn phần dẫn dắt tôi. Và tôi biết ơn về điều đó. Cho đến nay, nếu ai đó hỏi rằng hồi nhỏ tôi thế nào, bà mô tả tôi “tĩnh táo, nhưng không quá sớm phát triển.” Ngày nay chúng ta sống trong thời đại mà các bậc cha mẹ luôn khen con mình là thiên tài. Còn mẹ tôi, coi “tĩnh táo” đã đủ như một lời khen.

Khi làm luận án tiến sĩ, tôi lấy môn “lý thuyết đầy đủ,”¹⁶ mà giờ đây tôi có thể coi đó là cái tôi tệ thứ nhì trong đời, đứng sau hóa trị liệu. Khi ca thán với mẹ tôi về việc các bài kiểm tra khó và khủng khiếp ra sao, bà ghé đầu, xoa tay tôi và nói, “Mẹ biết con cảm thấy thế nào rồi. Và hãy nhớ là khi bằng tuổi con, cha còn phải đánh nhau với quân Đức.”

Sau khi tôi nhận bằng tiến sĩ, mẹ tôi đã thêm thắt vào khi giới thiệu: “Đây là con trai tôi. Cậu ấy là đóc tờ, nhưng không phải loại đóc tờ giúp người.”

Cha mẹ tôi biết cần làm gì để giúp đỡ mọi người. Ông bà luôn tìm kiếm những dự án lớn rồi dần dần tham gia. Cha mẹ tôi đã cùng thuê ký thác một ký túc xá năm mươi phòng ở vùng nông thôn Thái Lan để giúp các em gái địa phương có điều kiện tiếp tục trường lớp, thay vì phải bỏ học làm gái điếm.

Mẹ tôi bao giờ cũng rất nhiệt thành với các việc từ thiện. Còn cha tôi luôn vui vẻ đóng góp tiền bạc, hài lòng với một chỗ ở bình dị thay vì có nhà ở ngoại ô, nơi ở mà chúng tôi ai cũng muốn. Theo nghĩa đó, cha tôi là “tín đồ Cơ đốc” chuẩn mực nhất mà tôi đã từng gặp. Ông cũng là một quán quân về bình đẳng xã hội. Khác với mẹ, cha tôi không nhiệt thành lắm với tôn giáo có tổ chức. (Chúng tôi là Presbyterians¹⁷.) Ông tập trung quan tâm tới những tư tưởng lớn và coi sự bình đẳng là cao cả nhất trong tất cả các mục đích. Ông hy vọng rất nhiều ở xã hội, và những hy vọng của ông thường bị tiêu tan, xong ông vẫn tỏ ra lạc quan.

Ở tuổi tám mươi ba, cha tôi bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư máu. Biết là không còn sống được lâu, ông đã đăng ký hiến xác cho các nghiên cứu y học, và đóng góp tiền để chương trình từ thiện của ông ở Thái Lan có thể tiếp tục được tối thiểu sáu năm nữa.

Nhiều người dự nghe bài giảng cuối cùng của tôi đã bị thu hút bởi một bức ảnh tôi chiếu trên tường: Đó là bức ảnh chụp tôi trong bộ đồ ngủ, nằm nghiêng dựa lên khuỷu tay. Rõ ràng tôi là một cậu bé ưa những ước mơ lớn.



Thanh gỗ chắn ngang người tôi là mặt trước của chiếc giường tầng. Cha tôi, một người khá khéo tay, đã tự đóng chiếc giường đó. Nụ cười trên khuôn mặt, thanh chắn gỗ, cái nhìn trong đôi mắt của cậu bé: bức ảnh đó nhắc rằng tôi đã trúng xổ số cha mẹ.

Các con tôi có một người mẹ hết mực yêu thương chúng, sẽ dẫn dắt chúng một cách xuất sắc trên đường đời, xong chúng sẽ không có một người cha. Tôi phải chấp nhận sự thật đó, nhưng vô cùng đau đớn.

Tôi biết rằng cha tôi sẽ đồng ý với các quyết định trong những tháng cuối cùng này của tôi. Ông chắc sẽ khuyên nhủ tôi cố thu xếp ổn thỏa mọi thứ cho Jai, dành nhiều thời gian nhất như có thể cho các con – những điều mà tôi đang làm. Tôi biết ông chắc cũng sẽ hiểu ý nghĩa của việc chúng tôi dọn tới Virginia.

Tôi cũng nghĩ rằng cha tôi chắc sẽ nhắc nhở tôi rằng con cái – hơn mọi thứ khác – cần biết là cha mẹ yêu thương chúng. Cha mẹ chúng không cần phải còn sống để chúng tỏ điều đó.

---o0o---

05.Thang máy ở nhà trệt

Sự tưởng tượng của tôi nhiều khi người khác khó có thể hình dung được. Cuối cấp phổ thông, tôi có một thói thúc phải thể hiện những ý tưởng nung nấu trong đầu lên các bức tường ở phòng ngủ của mình.

“Con muốn vẽ các thứ lên tường ở phòng con,” tôi xin phép cha mẹ.

“Những thứ gì?” cha mẹ tôi hỏi.

“Những gì có ý nghĩa đối với con,” tôi nói. “Những gì con nghĩ là rất hay, rất độc đáo. Rồi ba mẹ sẽ thấy.”

Giải thích như vậy là đủ với cha tôi. Đó chính là điều thật tuyệt vời ở ông. Ông động viên sự sáng tạo của tôi bằng một nụ cười khích lệ. Ông ưa thích quan sát niềm say mê của tôi đơm hoa kết trái. Ông hiểu tôi và hiểu sự cần thiết được thể hiện mình theo những cách dị thường của tôi. Do vậy cha tôi nghĩ cuộc phiêu lưu vẽ lên tường của tôi là một ý tưởng thú vị.

Mẹ tôi thì chẳng mấy thích thú, nhưng cũng dễ dãi chấp thuận khi thấy tôi quá hào hứng. Bà cũng biết cha tôi thường thắng khi tranh cãi về những việc như thế này, do vậy bà thấy nên thỏa hiệp một cách hòa bình thì hơn.

Hai ngày liền, với sự giúp đỡ của chị tôi, Tammy, và bạn tôi, Jack Sheriff, tôi đã vẽ lên tường phòng ngủ của tôi. Cha tôi ngồi đọc báo trong phòng, đợi xem tác phẩm. Mẹ tôi thì đi lại dọc hành lang, vô cùng sốt ruột. Bà theo dõi, tìm cách ngó nghiêng, nhưng chúng tôi đã cố thủ ở trong phòng. Giống như người ta nói trong phim, đây là “một việc bí mật.”

Chúng tôi đã vẽ những gì?

Tôi vẫn muốn vẽ một công thức bậc hai lên tường. Trong một phương trình bậc hai, số mũ lớn nhất của ẩn số là bình phương. Là một cậu bé mê học, tôi nghĩ đó là thứ xứng đáng để kỷ niệm. Ngay bên cạnh cửa, tôi vẽ:

$$\frac{-b \pm \sqrt{b^2 - 4ac}}{2a}$$

Jack và tôi vẽ một cửa thang máy màu bạc thật to. Phía bên trái cửa, chúng tôi vẽ các nút bấm “Lên” và “Xuống”, và phía trên cửa thang máy, vẽ một bảng với các số tầng từ một tới sáu. Số “ba” được vẽ chiếu sáng. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà trệt – chỉ có một tầng – nên tôi đã thực hiện việc tưởng tượng ra sáu tầng. Nhìn lại, không hiểu sao tôi không vẽ tám hay chín tầng? Nếu tôi là người mơ ước lớn, sao thang máy của tôi lại dừng ở tầng ba? Không hiểu nổi. Có thể đó là một dấu hiệu của sự cân bằng giữa mơ ước và thực tiễn trong cuộc đời tôi.

Do khả năng mỹ thuật có hạn, tôi nghĩ tốt nhất là mình vẽ mọi thứ theo kiểu hình học cơ bản. Tôi vẽ một tàu hỏa tiến đơn giản với cánh vây. Tôi vẽ chiếc gương Bạch Tuyết với dòng chữ: “Xin nhớ, nếu tôi nói với bạn rằng bạn là người đẹp nhất, thì tức là tôi nói dối!”

Trên trần, Jack và tôi viết dòng chữ “Tôi đang bị mắc kẹt trên gác xép!” Chúng tôi viết các chữ ngược chiều, để tạo cảm giác như chúng tôi đang bị cầm tù trên đó và đang cào cấu, gào lời kêu cứu.

Vì tôi thích chơi cờ vua, Tammy đã vẽ những quân cờ (chị là người duy nhất trong chúng tôi có năng khiếu vẽ). Trong khi chị vẽ những quân cờ, tôi vẽ một chiếc tàu ngầm đang bí mật lặn trong nước, bên dưới chiếc giường tầng. Tôi vẽ một chiếc kính ngắm trời khỏi thành giường, đang quan sát các tàu của địch.

Tôi luôn thích thú với câu chuyện về hộp Pandora, nên Tammy và tôi vẽ lại câu chuyện theo cách nghĩ của chúng tôi. Pandora, trong thần thoại Hy Lạp, được trao cho một cái hộp chứa tất cả những tội lỗi của thế gian ở bên trong. Cô đã không tuân thủ lệnh cấm mở hộp. Khi cô mở hộp ra, tội lỗi đã lan truyền đi khắp nơi. Tôi luôn hướng tới kết cục lạc quan của câu chuyện: phần để lại dưới đáy hộp là “hy vọng.” Do vậy bên trong hộp Pandora, tôi viết chữ “Hy vọng.” Jack nhìn thấy và đã không nén nổi, viết thêm chữ “Bob” phía trên chữ “Hy vọng (Hope).” Khi bạn bè tới thăm phòng tôi, họ luôn phải suy nghĩ tí chút để hình dung tại sao lại có chữ “Bob” ở đó. Rồi ai cũng tròn mắt.

Đó là những năm cuối 1970, phong trào nhảy disco đang lan tràn. Tôi viết hàng chữ “Disco tởm” trên cửa phòng. Mẹ tôi thấy hơi thô tục, nên một ngày, khi tôi không để ý, bà lấy sơn xóa chữ “tởm.” Đó là thứ duy nhất bà sửa.

Bạn bè tôi tới chơi luôn rất ấn tượng về công việc tôi làm. “Tớ không tin nổi là bố mẹ cậu cho cậu vẽ như vậy,” bạn tôi thường nói.

Thật ra, lúc đó mẹ tôi chẳng mấy thích thú, nhưng bà đã không hề sơn lại căn phòng, kể cả hàng chục năm sau khi tôi đã đi khỏi nhà. Rồi, với thời gian, phòng tôi đã trở thành tiêu điểm để bà giới thiệu mỗi khi có khách tới thăm. Mẹ tôi đã bắt đầu cảm nhận: mọi người đều thấy đó là một điều thật hay, thật độc đáo. Và họ cũng nghĩ mẹ tôi thật hay, thật độc đáo vì đã cho phép tôi làm một việc như vậy.

Với những ai ở đây là cha mẹ, nếu con bạn muốn vẽ ở phòng ngủ của chúng, thì hãy cho tôi một đặc ân, để chúng làm điều đó. Mọi việc sẽ tốt đẹp. Đừng lo lắng là ngôi nhà của bạn sẽ bị mất giá.

Tôi không biết sẽ còn bao nhiêu lần về thăm lại ngôi nhà tuổi thơ của tôi nữa. Nhưng mỗi lần về đó là một phần thưởng đối với tôi. Tôi vẫn ngủ trên chiếc giường tầng do cha tôi đóng. Nhìn những bức tường kỳ thú, tôi nghĩ về việc cha mẹ đã cho tôi vẽ, và đi vào giấc ngủ với cảm giác thật may mắn và toại nguyện.

06. Đạt trạng thái không trọng lượng

Điều quan trọng là có những mơ ước cụ thể.

Khi tôi còn ở trường phổ thông, nhiều học sinh thích được trở thành nhà du hành vũ trụ. Với tôi, từ nhỏ tôi đã biết là NASA¹⁸ sẽ không nhận tôi. Tôi nghe nói là các nhà du hành vũ trụ không thể mang kính cận. Điều đó không sao. Tôi chẳng muốn thành nhà du hành vũ trụ lắm, chỉ muốn được ở trạng thái nổi bồng bềnh.

NASA có một chiếc máy bay để giúp các nhà du hành vũ trụ thích nghi với trạng thái không trọng lượng. Mọi người gọi nó là “Sao chổi nôn,” mặc dù NASA đã đặt tên cho nó là “Kỳ quan Vô trọng lượng,” như một cố gắng làm lạc hướng sự chú ý đến hậu quả khó chịu của thiết bị.

Dù máy bay được gọi với tên gì, thì đó vẫn là một thiết bị máy móc rất kỳ thú. Nó chuyển động theo hình cung pa ra bôn, và tại đỉnh của mỗi cung, bạn có khoảng hai mươi lăm giây trải nghiệm cảm giác tương đương với không trọng lượng. Khi máy bay lao xuống, bạn có cảm giác như đang rơi tự do, nhưng lại bị kéo lại, bay vòng quanh.

Ước mơ của tôi trở thành khả thi, khi NASA có chương trình cho sinh viên đại học đăng ký các đề tài nghiên cứu thí nghiệm trên chiếc máy bay này. Năm 2001, nhóm sinh viên trường Carnegie Mellon của tôi đã đăng ký đề án sử dụng hiện thực ảo (virtual reality¹⁹).

Không trọng lượng là một hiện tượng đặc biệt, khó nhận thức được một cách thấu đáo, khi cả đời bạn sống trên trái đất. Ở trạng thái không trọng lượng, tai trong, bộ phận điều khiển sự thăng bằng, sẽ không hoàn toàn đồng bộ với những gì mà mắt bạn nhìn thấy. Và kết quả là bạn buồn nôn. Liệu hiện thực ảo có thể giúp khắc phục được điều này? Đó là câu hỏi trong đề án của chúng tôi, và đề án đã được chọn. Chúng tôi được mời tới trung tâm vũ trụ Johnson ở Houston để đi thử máy bay.

Có lẽ tôi là người phấn khích hơn bất kỳ sinh viên nào của tôi. Nhưng ngay sau đó, tôi nhận được tin không vui: NASA tuyên bố rất rõ ràng là, trong mọi trường hợp, giáo viên không được bay cùng sinh viên.

Tôi vô cùng buồn chán, nhưng không vì thế mà chịu bó tay. Tôi sẽ phải tìm một con đường để đi quanh bức tường gạch này. Và tôi đã tìm thấy một cách: vì

luôn coi trọng việc quảng bá, NASA sẽ cho phép một nhà báo địa phương nơi sinh viên học tới tham gia bay cùng.

Tôi gọi điện cho một viên chức NASA để hỏi số máy fax. “Anh sẽ fax cái gì cho chúng tôi?” ông ta hỏi. Tôi giải thích: đơn từ chức cố vấn sinh viên và đơn xin làm nhà báo.

“Tôi sẽ tháp tùng các sinh viên của tôi trong vai trò mới là một thành viên của giới truyền thông,” tôi nói.

Và ông ta đáp, “Việc đó khá lộ liễu, anh có thấy thế không?”

Tôi chỉ muốn trôi bồng bênh ...

“Chắc chắn rồi,” tôi nói, nhưng tôi cũng hứa với ông ta rằng tôi sẽ đưa các thông tin về thí nghiệm của chúng tôi lên mục thời sự của các trang Web, và sẽ gửi phim về các hoạt động hiện thực ảo của chúng tôi tới các nhà báo chính thống khác. Tôi biết là tôi có thể làm tốt được điều này, và đó là thương lượng thắng – thắng cho cả đôi bên. Ông ta đã đưa số máy fax cho tôi.

Ở đây có thêm một bài học: Hãy mang cái gì đó tới bàn thương lượng, bởi nó sẽ làm cho bạn được đón tiếp nhiệt thành hơn.

Kinh nghiệm của tôi với trạng thái không trọng lượng là vô cùng kỳ diệu (và tôi không bị nôn). Tôi có bị ngã và bị va đập chút ít, bởi khi kết thúc giai đoạn hai mươi lăm giây, lúc sức nặng trở lại trong máy bay, bạn sẽ thật sự trở nên nặng gấp đôi trọng lượng của bạn. Bạn có thể rớt xuống khá mạnh. Bởi vậy chúng tôi luôn luôn được nhắc nhở: “Đặt chân xuống!” Chắc chắn là bạn không muốn ngã đập cổ rồi.

Vậy là tôi đã lên được chiếc máy bay để trải nghiệm trạng thái không trọng lượng, gần bốn mươi năm sau khi ước mơ được trôi nổi bồng bênh trở thành một trong những mục tiêu sống của tôi. Nó cũng chứng tỏ rằng, nếu tìm được một kẽ hở, bạn rất có thể tìm được một cách để trôi qua.

---o0o---

07. Không vào được Liên đoàn Bóng bầu dục Quốc gia

Tôi yêu thích môn bóng bầu dục²⁰. Nhất là việc chặn cản bóng. Tôi bắt đầu chơi từ năm chín tuổi, và môn bóng bầu dục đã rèn luyện tôi, đã giúp hình thành

con người tôi như hiện nay. Mặc dù không vào được Liên đoàn Quốc gia, nhưng đôi khi tôi nghĩ, tôi đã đạt được nhiều thứ hơn qua việc theo đuổi ước mơ này mà không hoàn tất được nó, so với việc theo đuổi và hoàn tất được nhiều ước mơ khác.

Sự gắn bó với môn bóng khởi nguồn khi cha tôi lôi kéo, thậm chí bắt ép và hò hét để tôi tham gia một đội bóng. Lúc đầu tôi hoàn toàn không muốn làm việc đó. Tôi yếu đuối, nhút nhát, và là đứa nhỏ nhất trong đám trẻ. Nỗi lo lắng đã trở thành sự sợ hãi khi tôi gặp huấn luyện viên, Jim Graham. Ông to lớn, cao hơn mét chín, vĩ đại như một bức tường. Ông từng chơi ở vị trí hậu vệ lót của đội Penn State²¹ và là người vô cùng bảo thủ. Xin nhấn mạnh rằng, ông thật sự bảo thủ, thí dụ ông coi việc ném bóng về hướng vạch cuối của đối phương là một lối chơi mảnh khèo.

Ngày tập đầu tiên, chúng tôi đều hãi tới chết. Thêm nữa, ông không mang bóng theo. Một cậu bé rất cuộc đã thay mặt chúng tôi hỏi. “Xin lỗi ông. Sao không có bóng?”

Và ông đã trả lời, “Chúng ta đâu cần bóng.”

Tất cả chúng tôi đều im lặng, suy nghĩ về điều đó.

“Có bao nhiêu cầu thủ trên sân bóng?” ông hỏi chúng tôi.

“Mười một người mỗi đội,” chúng tôi trả lời. “Như vậy tổng cộng là hai mươi hai.”

“Và bao nhiêu người chạm bóng tại một thời điểm?”

“Một người trong số đó.”

“Đúng!” ông nói. “Vậy chúng ta sẽ tập những gì hai mươi một người kia cần làm.”

Nền tảng. Đó là phần thưởng lớn nhất mà huấn luyện viên Graham đã ban phát cho chúng tôi. Nền tảng, nền tảng, nền tảng. Là một giáo sư đại học, tôi thấy đây là một bài học mà rất nhiều sinh viên đã lỡ đi, và chính họ luôn luôn là những người phải chịu thiệt hại. Bạn phải trau dồi nền tảng trước nhất, bởi nếu không, bạn sẽ không làm nổi bất kỳ một thứ cao siêu nào khác.

---o0o---

Huấn luyện viên Graham rất khắt khe với tôi. Tôi còn nhớ về một bài tập. “Em làm sai hoàn toàn rồi, Pausch. Quay trở lại! Làm lại!” Và tôi cố làm động tác mà ông muốn. Nhưng vẫn không đủ. “Pausch! Sau giờ tập, em sẽ phải bị phạt làm chổng tay.”

Khi giải tán, một trợ lý huấn luyện viên bước tới tôi. “Huấn luyện viên Graham hành em khá dữ có đúng không?” ông hỏi.

Tôi gằn như không còn nổi sức để thốt lên tiếng “vâng.”

“Đó là một điều tốt,” ông trợ lý nói. “Khi em làm sai mà không còn ai nói với em một điều nào nữa, thì có nghĩa là họ đã bỏ em.”

Bài học này đã lưu lại trong tôi suốt cuộc đời. Khi bạn thấy bạn làm điều gì đó xấu xa mà không ai thèm nói với bạn nữa, thì đó chắc chắn là chỗ không tốt cho bạn. Có thể bạn không muốn nghe, nhưng những lời phê bình thường cho bạn biết mọi người vẫn còn yêu mến bạn, quan tâm tới bạn, và muốn giúp bạn tiến bộ.

Ngày nay, chúng ta nói rất nhiều về việc tạo cho trẻ em lòng tự trọng. Nhưng, đó không phải là thứ có thể ban phát, mà là thứ phải tự rèn luyện và phát triển. Huấn luyện viên Graham không chiều chuộng chúng tôi. Lòng tự trọng? Ông biết chỉ có một cách để dạy trẻ tự phát triển phẩm chất này: Hãy đưa cho các em một việc mà các em không làm nổi ngay, các em sẽ phải phấn đấu cật lực cho tới khi làm được việc đó, và liên tục lặp lại quy trình này.

Khi huấn luyện viên Graham bắt đầu chú ý đến tôi, tôi là một đứa trẻ nhút nhát, không có kỹ năng gì, thể chất yếu đuối, và không cân bằng. Nhưng ông đã làm cho tôi nhận thức được rằng, nếu tôi cố gắng rèn luyện, thì những điều tôi chưa làm được ngày hôm nay, tôi sẽ làm được vào ngày mai. Bây giờ, ngay cả khi vào tuổi bốn mươi bảy, tôi vẫn tự hào có thể làm được động tác đứng ba điểm không kém gì một cầu thủ tiền vệ bóng bầu dục hạng quốc gia.

Có thể bây giờ, một người như huấn luyện viên Graham sẽ bị gạt bỏ khỏi liên đoàn thể thao thanh thiếu niên, vì ông quá nghiêm khắc và các bậc cha mẹ sẽ phản đối.

Tôi nhớ có một trận, đội chúng tôi chơi quá dở. Lúc nghỉ giữa giờ, vì vội vã để uống, chúng tôi đã cùng lao tới và gần như xô đổ thùng nước. Huấn luyện viên Graham tức giận: “Từ lúc trận đấu bắt đầu, sao bây giờ mới thấy mọi người chuyển động!” Chúng tôi đều mới mười một tuổi, chỉ biết đứng sững đó, sợ ông sẽ túm

từng đưa, bẻ vụn bằng đôi bàn tay hộ pháp của ông. “Nước?” ông hét. “Mọi người muốn uống nước?” Ông nhắc bỗng thùng và đổ tất cả nước xuống đất.

Chúng tôi đứng nhìn ông bỏ đi, rồi nghe ông thì thầm với một trợ lý: “Có thể đưa nước cho tuyến phòng ngự đầu. Máy cưa đó chơi được.”

Cần phải nói rõ một điều ở đây là huấn luyện viên Graham không bao giờ gây nguy hiểm cho bất kỳ một ai. Một lý do khiến ông rất nghiêm khắc trong rèn luyện thể lực cho bọn trẻ chúng tôi, vì ông biết điều đó sẽ giúp giảm gây chấn thương. Hôm thi đấu đó là một ngày mát trời, chúng tôi lại đều đã được uống nước trong hiệp đầu. Việc tát cả cùng đổ xô tới thùng nước, chỉ chứng tỏ chúng tôi là một bầy nhóc hơn là do chúng tôi cần giải khát.

Kể cả là như vậy, nếu việc tương tự xảy ra vào thời buổi ngày nay, chắc các bậc phụ huynh đứng bên sân đã rút điện thoại di động để gọi ủy viên liên đoàn bóng, hoặc thậm chí gọi các luật sư của họ.

Thật đáng buồn là bây giờ nhiều đứa trẻ được quá nuông chiều. Nghĩ lại về sự kiện lúc nghỉ giữa giờ ngày hôm đó, tôi cảm thấy nhục nhã. Tất cả chúng tôi đã làm cho huấn luyện viên Graham thất vọng, và ông đã thể hiện cho chúng tôi biết điều đó theo một cách để chúng tôi không bao giờ quên được. Ông đã đúng. Chúng tôi đã tỏ ra dành nhiều năng lượng cho thùng nước giải khát hơn là cho trận đấu bóng. Và việc bị ông xỉ nhục đã có ý nghĩa đôi với chúng tôi. Khi trở lại sân trong hiệp hai, chúng tôi đã thi đấu hết sức cố gắng.

Tuy không còn gặp huấn luyện viên Graham từ khi mười mấy tuổi, nhưng hình ảnh của ông luôn hiện lên trong trí nhớ của tôi, nhắc nhở tôi phải làm việc cố gắng hơn mỗi khi tôi định đầu hàng, nhắc nhở tôi phải phấn đấu để hoàn thiện mình hơn. Ông đã cho tôi một bài học quý giá cho suốt cả cuộc đời.

---o0o---

Khi gửi con cái đi chơi thể thao – bóng bầu dục, bóng đá, bơi, v.v. – phần đông chúng ta không chỉ vì muốn chúng học được những thứ phức tạp của môn thể thao đó.

Cái chúng ta thực sự muốn chúng học được còn quan trọng hơn nhiều: đó là tinh thần đồng đội, tính kiên trì, tinh thần thể thao, giá trị của sự nỗ lực, và khả năng ứng xử đối với các nghịch cảnh. Cái gián tiếp học được như vậy, chúng ta gọi là “giả đầu (head fake).”

Có hai loại giả đầu. Loại thứ nhất là đơn giản dễ thấy. Trên sân bóng, một cầu thủ nghiêng đầu về một hướng, làm cho bạn tưởng anh ta sẽ chạy về hướng ấy, nhưng sau đó lại chạy về hướng ngược lại. Điều đó giống như một nhà ảo thuật dùng kỹ thuật đánh lạc hướng. Huấn luyện viên Graham thường nhắc chúng tôi phải quan sát thất lưng của đối phương. “Bụng anh ta chuyển tới hướng nào, thì anh ta cũng sẽ chuyển tới hướng đó,” ông nói.

Loại giả đầu thứ hai quan trọng hơn nhiều – đó là dạy bạn điều mà bạn không hình dung là mình đang học, cho tới khi bạn dần học được điều đó. Nếu bạn là một chuyên gia về giả đầu, mục tiêu đầu kín của bạn sẽ là để cho mọi người học điều bạn muốn họ học.

Loại học giả đầu như vậy là vô cùng thiết yếu, và huấn luyện viên Graham là một bậc thầy trong lĩnh vực này.

---o0o---

08. Bạn sẽ tìm thấy tôi ở vãn “V”

Tôi sống trong thời đại máy tính và rất yêu thích nó. Được tiếp xúc và gần gũi với đồ họa, với màn hình máy tính và với siêu xa lộ thông tin, tôi hoàn toàn có thể hình dung một thế giới không cần giấy.

Nhưng tôi đã lớn lên trong một khung cảnh rất khác.

Năm 1960, khi tôi sinh ra, giấy là nơi để lưu trữ kiến thức. Suốt những năm 1960 và 1970, cả gia đình tôi luôn hâm mộ tập Bách khoa Toàn thư Thế giới (World Book Encyclopedia²²) – các bức ảnh, bản đồ, cờ của các nước khác nhau, cùng các thông tin vô cùng bổ ích về dân số, diện tích và những nét chính về từng quốc gia đã hấp dẫn tôi.

Tôi không đọc từng chữ trong từng tập của Bách khoa Toàn thư, nhưng cũng đã thử việc đó. Tôi khám phục cách thức các đề mục được thu thập lại cùng nhau. Ai là người viết đề mục về lợn đất? Làm thế nào để các biên tập viên của World Book gọi điện tới và nói, “Ông biết về lợn đất nhiều hơn tất cả mọi người khác. Ông có thể viết một đề mục cho chúng tôi được không?” Rồi trong vãn “Z”, ai đã cho rằng mình đủ là một chuyên gia về tộc Zulu²³ để viết đề mục đó? Ông hoặc bà ta có phải là một người Zulu?

Cha mẹ tôi sống thanh đạm. Không như nhiều người Mỹ khác, ông bà không bao giờ mua bất cứ một thứ gì chỉ để gây ấn tượng với người khác. Nhưng ông bà

đã rất hài lòng khi mua tập Bách khoa Toàn thư Thế giới, và đã chi một khoản tiền khá lớn, tính vào thời điểm đó. Bằng việc làm như vậy, ông bà đã cho tôi và chị tôi món quà tri thức vô giá. Ông bà cũng đặt mua các tập phát hành bổ xung. Mỗi năm, một tập về các phát minh mới và các sự kiện thời sự lại đến – đánh số 1970, 1971, 1972, 1973 – và tôi nôn nóng đợi đọc chúng. Những tập mới bao giờ cũng có các nhãn ghi bổ xung cho các đề mục trong các tập gốc theo vần alphabet. Nhiệm vụ của tôi là gắn các nhãn này vào các trang thích hợp, và tôi luôn làm công việc này một cách rất nghiêm túc. Tôi đã giúp sắp xếp mọi thứ theo trình tự lịch sử và khoa học, làm thuận tiện cho bất cứ ai sẽ mở những cuốn sách này trong tương lai.

Do quá hâm mộ Bách khoa Toàn thư Thế giới, một ước mơ tuổi thơ của tôi là sẽ trở thành người viết bài cho nó. Nhưng đâu phải bạn có thể gọi điện tới trụ sở của World Book ở Chicago và tự đề nghị. Ngược lại World Book phải biết và tìm tới bạn mới được.

Vài năm trước đây, tin hay không tin, cú điện thoại mà tôi mong đợi cuối cùng cũng đã đến.

Theo một cách nào đó, sự nghiệp của tôi tới lúc ấy đã biến tôi đúng thành loại chuyên gia mà World Book thấy thích hợp để đề nghị viết bài. Họ không nghĩ rằng tôi là chuyên gia số một trên thế giới về hiện thực ảo. Nhân vật này sẽ rất bận rộn để họ có thể tiếp cận. Còn tôi, tôi ở mức giữa – có uy tín đủ mức ... nhưng không quá nổi tiếng để có thể từ chối họ.

“Ông có muốn viết đề mục mới của chúng tôi về hiện thực ảo?” họ hỏi.

Tôi không thể nói với họ là tôi đã đợi cú điện thoại này cả cuộc đời tôi. Tất cả những gì tôi có thể nói là: “Vâng, tất nhiên!” Và tôi đã viết đề mục đó. Tôi có kèm theo một bức ảnh chụp sinh viên Caitlin Kelleher của tôi đang đội một thiết bị mũ hiện thực ảo.

Không có biên tập viên nào hỏi xem tôi đã viết những gì. Tôi giả thiết đó là cách làm việc của World Book. Họ chọn một chuyên gia, và tin tưởng vị chuyên gia sẽ không lạm dụng đặc quyền được trao.

Tôi không mua ấn bản mới nhất của Bách khoa Toàn thư Thế giới. Thực ra, sau khi đã được chọn để trở thành tác giả trong World Book, bây giờ tôi tin rằng Wikipedia²⁴ là nguồn hoàn toàn đủ để bạn tra cứu thông tin, bởi tôi đã biết thế nào là kiểm tra chất lượng của bách khoa toàn thư thật. Vậy mà thỉnh thoảng khi ở trong thư viện cùng các con, tôi vẫn không tránh khỏi việc tìm vần “V” (“Virtual

Reality”) trong World Book để chỉ cho chúng xem đề mục mà cha của chúng đã viết.

---o0o---

09. Những kỹ năng để lãnh đạo

Như bao đứa trẻ Mỹ sinh năm 1960, một sách và sớm tinh khôn, tôi đã dành một phần tuổi thơ để mơ ước được trở thành Thuyền trưởng James T. Kirk²⁵, người chỉ huy của Starship Enterprise²⁶. Tôi không xem tôi là Thuyền trưởng Pausch, nhưng tưởng tượng ra một thế giới mà trong đó tôi dần sẽ trở thành Thuyền trưởng Kirk.

Với những đứa trẻ giàu tham vọng và có chút ít thích thú khoa học, không có thần tượng nào lại lớn hơn James T. Kirk của Star Trek²⁷. Thật ra, tôi tin một cách nghiêm túc rằng, tôi đã trở thành một người thầy, một đồng nghiệp – có thể cả một người chồng – tốt hơn, bởi đã xem cách Kirk chỉ huy Enterprise.

Hãy nghĩ xem. Nếu bạn đã coi loạt phim truyền hình này, bạn sẽ thấy Kirk không phải là người thông minh nhất trên tàu. Ông Spock, sĩ quan, là người có trí tuệ và luôn logic. Tiến sĩ McCoy có tất cả các kiến thức y học của nhân loại của những năm 2260. Scotty là kỹ sư trưởng, người có hiểu biết kỹ thuật để điều khiển con tàu, ngay cả khi bị người ngoài hành tinh tấn công.

Vậy những kỹ năng của Kirk là gì? Tại sao ông lại lên tàu và được chỉ huy nó?

Câu trả lời: Đó là những kỹ năng được gọi là “sự lãnh đạo.”

Tôi đã học được rất nhiều thứ qua việc nhìn cách thức Kirk làm việc. Ông là đặc trưng của một nhà quản lý năng động, biết cách đại diện và phân quyền, có niềm say mê sáng tạo, và trông rất đẹp trong những bộ đồ ông mặc. Ông không bao giờ tự nhận là mình có nhiều khả năng hơn các thuộc cấp. Ông luôn thừa nhận họ là những người thông thạo những gì họ đang làm trong lĩnh vực của họ. Nhưng ông là người xác lập tầm nhìn, quyết định tiếng nói, và là người chịu trách nhiệm về tinh thần. Thêm nữa, Kirk có duyên tán tỉnh phụ nữ trên mọi hành tinh ông tới. Bạn cứ tưởng tượng tôi, một cậu bé mười tuổi, mang kính cận, say mê ngồi xem truyền hình ở nhà. Mỗi khi Kirk xuất hiện trên màn hình, tôi thấy ông như một vị thần Hy Lạp.

Và ông có những đồ chơi thật kỳ diệu! Khi còn là một đứa trẻ, tôi vô cùng thú vị thấy ông ở trên một hành tinh nào đó và có một chiếc máy – thiết bị liên lạc Star Trek – để nói chuyện với những người đang ở trên tàu. Bây giờ tôi cũng có một thiết bị như vậy ở trong túi. Ai biết được, chính Kirk là người đã cho chúng ta làm quen với điện thoại di động.

Vài năm trước đây, tôi nhận được một cú điện thoại (trên thiết bị liên lạc của tôi) của một tác giả từ Pittsburgh tên là Chip Walter. Ông cùng với William Shatner (diễn viên đóng vai Kirk) viết một cuốn sách về việc những thành tựu khoa học, ban đầu được tưởng tượng trong Star Trek, đã báo trước cho những tiến bộ công nghệ ngày nay như thế nào. Thuyền trưởng Kirk có mong muốn được tới thăm phòng thí nghiệm về hiện thực ảo của tôi ở Carnegie Mellon.

Ước mơ tuổi thơ của tôi là trở thành Kirk. Nhưng tôi vẫn coi ước mơ này đã trở thành hiện thực khi Shatner xuất hiện. Thật kỳ diệu được gặp thần tượng thời niên thiếu của bạn, nhưng còn kỳ diệu hơn, khi thần tượng đến với bạn để xem những công việc kỳ diệu mà bạn đang thực hiện trong phòng thí nghiệm của mình.

Các sinh viên cùng tôi làm việc ngày đêm để xây dựng một thế giới hiện thực ảo giống như chiếc cầu của Enterprise. Khi Shatner tới, chúng tôi đặt chiếc “mũ – màn hình” to tướng lên đầu ông. Chiếc mũ có một màn hình ở bên trong, và khi quay đầu, ông có thể tự chứng kiến, quanh 360 độ, những hình ảnh về con tàu cũ của ông. “Trời ơi, lại còn có cả những cánh cửa thang máy,” ông nói. Và chúng tôi còn có một bất ngờ nữa cho ông: còi báo động phát tín hiệu đèn đỏ. Ngay lập tức, ông hét, “Chúng ta đang bị tấn công!”

Shatner lưu lại ba tiếng, và đặt vô số câu hỏi. Một đồng nghiệp sau này có nói với tôi: “Ông ta hỏi liên tục và hình như vẫn chưa thỏa mãn.”

Còn tôi thì vô cùng có ấn tượng. Kirk, ý tôi nói là Shatner, là một thí dụ điển hình về một người biết rất rõ cái gì mình không biết, sẵn sàng thú nhận điều đó, và không muốn đi, cho tới khi hiểu ra vấn đề. Với tôi, đó là một cách hành xử thật anh hùng. Tôi mong, mọi sinh viên cao học đều có thái độ như vậy.

Trong quá trình chữa trị ung thư, khi được thông báo là chỉ có 4 phần trăm bệnh nhân ung thư tụy có thể sống được năm năm, một dòng từ bộ phim Star Trek *Sự Giận dữ của Khan* đã ngay lập tức xuất hiện trong đầu tôi. Trong phim, các học viên của đội tàu gặp một kịch bản được mô phỏng để tập, theo đó, bất kể các học viên làm gì, toàn đội tàu sẽ bị giết. Trong phim có giải thích, khi Kirk còn là học viên, ông đã lập trình lại sự mô phỏng, bởi “ông không tin vào kịch bản không-ai-thắng.”

Tới nay, vài đồng nghiệp có đôi coi thường sự cuồng nhiệt của tôi về Star Trek. Nhưng phải nói, ngay từ lúc đầu, nó đã rất hữu ích đối với tôi.

Sau khi Shatner biết tin về bệnh tình của tôi, ông đã gửi cho tôi một tấm ảnh chụp ông trong vai Kirk. Trên tấm ảnh ông ghi: “Tôi không tin vào kịch bản không-ai-thắng.”

---o0o---

10.Thắng lớn

Một trong những ước mơ tuổi thơ của tôi là trở thành chàng trai bắt mắt và nông nhất trong công viên giải trí hay trong lễ hội carnival²⁸.

Thật dễ phát hiện ra chàng trai nông nhất: anh ta là người dạo chơi với con thú nhồi to lớn nhất. Khi còn là một cậu bé, tôi đã thấy từ xa, những chàng trai mà đầu và người bị che khuất bởi những con thú nhồi cực lớn. Chẳng kể anh ta là một Adonis²⁹ hay một con mọt sách, nếu anh ta có con thú nhồi to nhất, thì anh ta là chàng trai nông nhất tại lễ hội.

Cha tôi cũng cùng chung niềm tin như vậy. Khi đi chơi trong công viên giải trí, ông sẽ cảm thấy hơi trơ trẽn khi thiếu một chú gấu hoặc một chú khỉ, mà ông vừa trúng thưởng, ngồi cùng, lúc ông leo lên đu bánh xe quay. Sẵn tinh thần thi đua trong gia đình, trò chơi Midway³⁰ thường trở thành một cuộc đấu xem ai trong chúng tôi sẽ lấy được con thú lớn nhất trong Vương quốc Thú Nhồi?

Đã bao giờ bạn đi dạo quanh một lễ hội carnival với một con thú nhồi to tướng chưa? Bạn có quan sát xem mọi người chiêm ngưỡng bạn và ghen tị với bạn như thế nào không? Đã bao giờ bạn dùng một con thú nhồi để tán tỉnh một người đàn bà chưa? Tôi đã làm như vậy ... và tôi đã cưới người đàn bà ấy!

Những con thú nhồi vĩ đại đã rất sớm có ý nghĩa với tôi. Có lần, khi tôi ba tuổi còn chị tôi năm tuổi. Chúng tôi ở trong một cửa hàng đồ chơi, và cha tôi nói ông sẽ mua bất kể một thứ đồ chơi nào cho chúng tôi, nếu chúng tôi thích nó và đồng ý sẽ chơi chung. Chúng tôi nhìn quanh, rồi cuối cùng nhìn lên và thấy trên giá rất cao, một con thỏ nhồi bông rất lớn.

“Chúng con lấy con thỏ!” chị tôi nói.

Có lẽ đó là thứ đồ chơi đắt tiền nhất trong cửa hàng. Nhưng cha tôi là người giữ lời. Do vậy ông đã mua nó cho chúng tôi. Ông thấy đó là một đầu tư xứng đáng, bởi trong nhà, ai cũng vui khi có thêm một con thú nhồi lớn.

Khi tôi trưởng thành và ngày càng có nhiều thêm những con thú nhồi lớn, cha tôi nghĩ có lẽ tôi đã trả tiền mọi người để mua lại những con thú đó. Ông giả thiết rằng tôi đã chờ những người thắng giải, rồi dúi tờ năm mươi đồng cho anh chàng nào đó không đánh giá nổi việc một con thú nhồi vĩ đại có thể làm thay đổi nhận thức về thế giới của anh ta ra sao. Nhưng, tôi chưa bao giờ trả tiền cho những con thú nhồi.

Và tôi chưa bao giờ lừa đảo.

OK. Tôi thú nhận là tôi có dướn người khi chơi. Đó là cách duy nhất để thắng lúc ném vòng lấy giải. Tôi có dướn người để ném vòng, nhưng tôi không lừa đảo.

Tôi đã thắng giải nhiều lần với sự chứng kiến của những người trong gia đình. Và tôi biết điều đó càng làm tăng thêm sự hoài nghi. Với tôi, cách tốt nhất để thắng những con thú nhồi là không bị áp lực của khán giả gia đình. Tôi cũng không muốn bất cứ ai biết tôi phải cần bao nhiêu thời gian để đoạt giải. Tính ngoan cường thì rất trong sạch, nhưng không hẳn là lúc nào cũng nên để mọi người mục kích bạn đã phải vất vả như thế nào cho một công việc.

Đã bao giờ bạn đi dạo quanh một lễ hội carnival với một con thú nhồi to tướng chưa?

Tôi xin tiết lộ là có hai bí mật để thắng những con thú nhồi vĩ đại: những cánh tay dài và một khoản tiền nhỏ để dành. Tôi đã may mắn để có cả hai thứ đó.

Tôi đã nói về những con thú nhồi của tôi tại bài giảng cuối cùng, và chiếu các hình của chúng. Tôi có thể đoán, cử tọa rất sành công nghệ và hoài nghi đang nghĩ: Trong thời đại ảnh kỹ thuật số này, có thể những con gấu nhồi chẳng hề có thật trong những bức hình với tôi. Hoặc có thể tôi đã gạt gẫm những người thắng cuộc cho phép tôi được chụp ảnh cùng các giải thưởng của họ.

Làm sao có thể thuyết phục được cử tọa rằng tôi đã thật sự thắng giải những thứ này. Đúng, tôi sẽ phải cho họ xem những con thú nhồi thật. Và tôi đã để mấy sinh viên từ sau cánh gà bước ra, mỗi người mang theo một con thú nhồi lớn mà tôi đã thắng trong những năm qua.

Tôi không còn cần những giải thưởng này nữa. Mặc dù biết vợ tôi yêu thích con gấu nhồi tôi đặt ở phòng làm việc của cô khi chúng tôi mới quen nhau, nhưng bây giờ, với ba con, vợ tôi không còn muốn có cả một đội quân thú nhồi làm bữa bãi ngôi nhà mới. (Chúng đã bắt đầu xỏ những sợi bọ lông, rồi Chloe sẽ nuốt phải.)

Tôi biết, nếu tôi giữ những con thú nhồi lại, một ngày nào đó, Jai sẽ phải gọi Goodwill³¹ và nói, “Hãy tới để lấy chúng đi!” ... hoặc tệ hơn, cảm thấy không nên làm điều đó! Bởi vậy tôi đã quyết định tặng chúng cho bạn bè.

Khi những con thú nhồi đã được xếp hàng trên bục, tôi tuyên bố: “Bất kỳ ai muốn nhận một món đồ của tôi, thì khi kết thúc bài giảng, xin mời lên nhận một con thú nhồi; ai đến trước, nhận trước.”

Những con thú nhồi vĩ đại đã nhanh chóng tìm được nơi ở mới. Vài ngày sau, tôi được biết, một trong những con thú nhồi đã được một sinh viên trường Carnegie Mellon nhận về. Cô sinh viên đó, giống tôi, cũng mắc bệnh ung thư. Sau bài giảng, cô bước lên bục và chọn một con voi lớn. Cô đã lấy con voi ở trong phòng.

---o0o---

11.Nơi hạnh phúc nhất trên trái đất

Năm 1969, khi tôi lên tám, gia đình tôi làm một chuyến du lịch xuyên quốc gia để thăm Disneyland. Đó là một chuyến đi rất dài. Khi tới nơi, tôi đã vô cùng kinh ngạc. Đây là khung cảnh kỳ diệu nhất, thích thú nhất mà tôi từng gặp.

Lúc đứng xếp hàng cùng những đứa trẻ khác để đợi đến lượt chơi, tất cả những gì tôi nghĩ là “Tôi mong chờ tới lúc chính mình có thể làm được những thứ thú vị như thế này!”

Hai mươi năm sau, khi nhận bằng Tiến sĩ về Khoa học Máy tính của Carnegie Mellon, tôi nghĩ mình đủ khả năng để làm bất cứ việc gì, nên đã gửi đơn xin việc tới Walt Disney Imagineering. Và họ gửi tôi mấy lá thư vào loại tồi tệ nhất mà tôi đã từng nhận. Họ bảo đã nhận được đơn xin việc của tôi, nhưng không có “bất cứ một vị trí nào phù hợp với khả năng của anh.”

Không có gì cả? Đó là một công ty nổi tiếng về việc thuê hàng đội quân để quét đường. Disney không có gì cho tôi? Không có cả một cái chổi?

Rõ ràng đó là một thất bại. Nhưng tôi đã luôn giữ câu thần chú của tôi trong tâm trí. Các bức tường gạch được dựng lên với một lý do. Chúng không ở đó để loại bỏ ta mà là để cho ta một cơ hội chứng tỏ ta muốn một điều gì đó ghê gớm tới mức độ nào.

Quay lại năm 1995, khi trở thành giáo sư tại Đại học Virginia, tôi đã tham gia phát triển một hệ thống có tên “Hiện Thực Ảo Năm Đô La Một Ngày.” Đó là thời gian mà các chuyên gia hiện thực ảo nói họ phải cần nửa triệu đô la để có thể làm bất cứ thứ gì. Các đồng nghiệp và tôi đã phát triển một phiên bản nhỏ của ga ra Hewlett-Packard, chung sức xây dựng một hệ thống hiện thực ảo giá rẻ. Đồng nghiệp trong giới tin học đều cho rằng đó là một hệ thống khá lý thú.

Không lâu sau, tôi biết tin Disney Imagineering đang làm một đề án hiện thực ảo. Một đề án tối mật, đó là trò chơi Aladdin cho phép người chơi cưỡi một tấm thảm thần. Tôi gọi điện tới Disney và giải thích rằng tôi là một chuyên gia nghiên cứu về hiện thực ảo, muốn tìm hiểu thông tin về đề án. Tôi rất kiên trì, và được chuyển hết người này sang người khác, cho tới khi được nói với một người mang tên Jon Snoddy. Ông là một Imagineer tuyệt vời, người điều hành nhóm đề tài. Tôi cảm thấy như đã gọi tới Nhà Trắng và được nói với Tổng Thống.

Sau khi chuyện trò một lúc, tôi nói với Jon là tôi có việc tới California. “Chúng ta có thể gặp nhau được không?” (Sự thực là, nếu ông nói được, thì lý do duy nhất đưa tôi đến California là để gặp ông. Tôi sẽ có thể tới tận sao Hải Vương để gặp ông!) Ông ấy bảo OK. Nếu đường nào tôi cũng đến, thì chúng tôi có thể cùng ăn trưa.

Trước khi tới gặp ông, tôi đã dành tới tám mươi giờ để chuẩn bị. Tôi đã nói chuyện với tất cả các chuyên gia về hiện thực ảo mà tôi quen biết để trao đổi các suy nghĩ và câu hỏi về đề án Disney. Kết quả là, khi cuối cùng gặp Jon, ông đã rất thán phục sự hiểu biết của tôi. (Thật dễ tỏ ra là thông minh khi bạn thán phục người thông minh.) Kết thúc bữa ăn trưa, tôi hỏi thăm dò.

“Sắp tới, tôi có một sabbatical,” tôi nói.

“Đó là cái gì?” ông hỏi. Tôi thấy ngay tín hiệu đầu tiên của sự khác biệt văn hóa giữa hai khối hàn lâm và giải trí mà tôi sẽ phải đối đầu.

Sau khi nghe tôi giải thích về ý nghĩa sabbatical, ông nghĩ đây là một ý đồ hay nếu tôi dành thời gian nghỉ này để làm việc với nhóm của ông. Chúng tôi thỏa thuận: tôi sẽ tới sáu tháng, làm việc với đề án, và viết đăng một công trình về nó.

Cũng khá mạo hiểm, vì chưa hề có tiền lệ là Imagineering mời một người trong giới hàn lâm như tôi tới làm việc bên trong một đề án mật.

Vấn đề còn lại là tôi cần được mấy xếp của tôi cho phép làm sabbatical theo kiểu khá kỳ lạ như vậy.

Mỗi câu chuyện Disney đều cần một kẻ côn đồ, và với câu chuyện của tôi, kẻ đó là một Trưởng khoa ở Đại học Virginia. “Trưởng khoa Giun” (Jai đặt tên ông như vậy để tôn vinh phim Animal House) đã lo lắng rằng Disney sẽ vắt kiệt “trí tuệ” khỏi đầu tôi, thứ mà theo luật lại là sở hữu của trường. Ông ta phản đối việc tôi muốn làm. Tôi hỏi: “Ông có nghĩ đó là một việc tốt không?” Và ông nói: “Tôi không biết liệu đó có phải là một việc tốt hay không.” Ông đã chứng tỏ, đôi khi, những bức tường gạch khó vượt qua nhất lại là làm bằng thịt.

Bởi chẳng đi được tới đâu với ông, tôi đã mang trường hợp của tôi tới chủ nhiệm khoa phụ trách nghiên cứu. Tôi hỏi ông: “Ông có nghĩ đó là một điều tốt nếu tôi làm việc này?” Và ông trả lời: “Tôi chưa có đủ thông tin để phát biểu. Nhưng tôi biết rằng một trong những giáo viên giỏi nhất khoa đang ở văn phòng của tôi và anh ta thật sự phấn khích. Vậy hãy nói thêm cho tôi nghe.”

Đây là một bài học cho các nhà quản lý. Cả hai trưởng khoa đều nói cùng một điều: họ không biết liệu làm sabbatical như vậy có phải là một điều tốt hay không. Nhưng hãy nghĩ về sự khác biệt trong cách nói của họ!

Chị tôi và tôi trong khu vui chơi Alice, Disneyland.

Cuối cùng, tôi đã được phép thực hiện kỳ sabbatical đó. Một giấc mơ của tôi đã trở thành hiện thực. Và tôi phải thú nhận, tôi là người khủng ra sao: ngay khi đến California, tôi nhảy lên chiếc xe mui trần của tôi và lái thẳng tới trụ sở của Imagineering. Đó là một buổi tối mùa hè nóng nực, và tôi vặn máy stereo để nghe thật to bản nhạc The Lion King của Disney. Khi tôi lái xe qua dãy nhà, những giọt nước mắt đã bắt đầu chảy tràn xuống mặt. Tôi đây rồi – phiên bản trưởng thành của cậu bé tám tuổi tròn xoe mắt ở Disneyland! Cuối cùng tôi đã đến. Tôi đã là một Imagineer.

---o0o---

III. Kỳ 4: Khích Lệ Những Ước Mơ

TT – Thật vui sướng khi bạn hoàn tất được những ước mơ tuổi thơ của mình, nhưng khi có tuổi hơn bạn sẽ thấy việc tạo điều kiện cho những ước mơ của người khác còn làm mình vui sướng hơn.



Randy Pausch (trái) và Jeff Zaslow – người chấp bút Bài giảng cuối cùng cho Randy – Ảnh: The New York Times

Có một người viên vông

Khi tôi dạy ở Đại học Virginia năm 1993, Tommy Burnett, một sinh viên 22 tuổi – người từ một nghệ sĩ đã trở thành một tài năng về đồ họa máy tính – muốn được làm việc trong nhóm nghiên cứu của tôi. Sau khi nói chuyện về cuộc sống và các mục tiêu, cậu ta bất ngờ nói: “Ôi, và tôi đã luôn có chính ước mơ tuổi thơ này”.

Bất kể ai dùng các từ “tuổi thơ” và “ước mơ” trong cùng một câu đều gây cho tôi sự chú ý.

“VẬY ước mơ tuổi thơ của anh là gì, Tommy?” – tôi hỏi.

“Tôi muốn làm việc cho bộ phim Star wars kế tiếp” – cậu ta nói.

Xin nhớ đó là năm 1993. Bộ phim Star wars cuối cùng được làm năm 1983, và chưa hề có những kế hoạch cụ thể nào để làm thêm phim này. Tôi giải thích

điều đó. “Đó là một ước mơ khá viễn vông và sẽ rất khó để đạt được – tôi bảo với cậu ta – Nói chính xác là họ đã kết thúc việc làm các bộ phim Star wars”.

“Không” – cậu ta nói – Họ sẽ làm thêm nữa, và khi họ thực hiện tôi sẽ tham gia làm phim. Đó là kế hoạch của tôi”.

Tommy mới sáu tuổi khi bộ phim Star wars đầu tiên ra đời vào năm 1977. Cậu ta nói với tôi: “Tôi muốn trở thành người làm nên những hiệu ứng đặc biệt – những con tàu vũ trụ, hành tinh, người máy”.

Lời giải tối thứ sáu

Tôi được ký hợp đồng vĩnh viễn (Đại học Virginia) sớm hơn một năm so với thông lệ. Việc đó có vẻ gây ấn tượng đối với các đồng nghiệp trẻ khác trong trường. Họ nói với tôi: “Bí mật của cậu là gì thế?”. Tôi nói: “Khá đơn giản. Hãy gọi điện thoại cho tôi mỗi thứ sáu ở văn phòng của tôi vào lúc 10 giờ tối và tôi sẽ nói cho anh biết (tất nhiên, đó là trước khi tôi có gia đình)”.

Rất nhiều người muốn đi trên con đường tắt. Tôi thấy con đường tắt tốt nhất là con đường dài, cơ bản nó là máy chữ: làm việc tích cực.

Theo cách tôi nhìn, nếu bạn làm việc nhiều giờ hơn những người khác, trong những giờ đó bạn sẽ học được nhiều hơn về nghề nghiệp của bạn. Điều đó làm bạn hiệu quả hơn, có khả năng hơn, thậm chí sung sướng hơn. Làm việc tích cực cũng giống như lãi suất tích lũy ở ngân hàng. Phần thưởng được tăng nhanh hơn.

Cậu ta nói khi còn là một đứa trẻ cậu đã đọc tất cả các bài viết về kỹ thuật Star wars có thể kiếm được. Cậu ta có tất cả cuốn sách giải thích các mô hình được xây dựng ra sao và các hiệu ứng đặc biệt được tạo ra như thế nào.

Khi nghe Tommy nói, tôi đã hồi tưởng tuổi thơ của mình khi tới thăm Disneyland, và tôi đã có thôi thúc ra sao để lớn lên và sáng tạo được những trò chơi kiểu như vậy. Tôi đã hình dung là ước mơ to lớn của Tommy sẽ không thể trở thành hiện thực, nhưng lại giúp ích cho cậu ta theo một cách nào đó. Tôi có thể làm việc với một người có mơ ước như vậy. Tommy có những ham muốn mà kể cả khi không đạt được chúng vẫn giúp cậu ta rất tốt, do vậy tôi để cậu ta tham gia vào nhóm nghiên cứu của tôi.

Tommy sẽ nói với bạn rằng tôi là loại sếp rất khó tính. Cậu ta nhớ tôi đã nói với cậu ta: “Tôi biết anh thông minh. Nhưng ai ở đây cũng thông minh. Thông minh thôi chưa đủ. Loại người tôi muốn có trong nhóm nghiên cứu của tôi là

những người sẽ giúp được những người khác cảm thấy vui sướng và hạnh phúc khi cùng nhau làm việc ở đây”.

Tommy đã chứng tỏ là người có tinh thần đồng đội như vậy.

Star wars - ví dụ từ bộ phim đình đám

Khi tôi chuyển tới Carnegie Mellon, các thành viên trong nhóm nghiên cứu của tôi từ Đại học Virginia đã cùng theo tôi – tất cả, trừ Tommy. Cậu ta không đi cùng. Vì sao? Bởi cậu ta được tuyển vào làm ở Công ty Industrial Light & Magic của nhà sản xuất kiêm chủ nhiệm George Lucas.

Cũng cần nói thêm là họ đã tuyển Tommy không phải vì ước mơ mà vì khả năng và trình độ của cậu ta. Trong thời gian làm việc với nhóm nghiên cứu của tôi, Tommy đã trở thành một người thảo chương xuất sắc trên ngôn ngữ Python, và thật may mắn, đó cũng là thứ ngôn ngữ được lựa chọn ở Industrial Light & Magic. May mắn rõ ràng là sự gặp gỡ của chuẩn bị và thời cơ.

Không khó để đoán biết kết cục câu chuyện sẽ đi về đâu. Ba bộ phim Star wars mới đã ra đời – trong năm 1999, 2002, 2005 – và Tommy đã làm việc cho cả ba bộ phim đó.

Với Star wars episode II: Attack of the clones (Cuộc tấn công của những người vô tính), Tommy là giám đốc kỹ thuật chính. Trong phim có một đoạn tuyệt vời 15 phút đánh nhau trên hành tinh đá đỏ giữa những người nhân giống vô tính với những người máy, và Tommy là người xây dựng toàn bộ cảnh này. Cậu ta cùng cả nhóm đã dùng các ảnh của vùng sa mạc Utah để tạo phong cảnh ảo cho trận đánh. Tommy đã làm những công việc kỳ diệu, cho phép cậu ta sống mỗi ngày trên một hành tinh.

Vài năm sau, Tommy đã rất tử tế mời tôi cùng các sinh viên của tôi tới thăm Industrial Light & Magic. Đồng nghiệp của tôi, Don Marinelli, đã khởi đầu một truyền thống khá ấn tượng, hằng năm tổ chức một chuyến đi đưa các sinh viên qua bờ tây để họ tham quan vùng công nghiệp giải trí và các công ty công nghệ cao, nơi có thể thu hút họ vào làm việc trong thế giới đồ họa máy tính. Lúc đó, người như Tommy rõ ràng là một vị chúa đối với lớp sinh viên trẻ. Cậu ta đã làm sống động những ước mơ của họ.

Tommy ngồi cùng với ba cựu sinh viên khác của tôi để trao đổi với các sinh viên. Cuối cùng, cuộc trao đổi chuyển sang đề tài làm thế nào để bắt đầu thâm nhập lĩnh vực điện ảnh và một sinh viên muốn biết về vai trò của may mắn.

Tommy tình nguyện trả lời câu hỏi này. “Cần rất nhiều may mắn – anh nói – Nhưng tất cả các bạn đều đã may mắn. Được làm việc với Randy và học hỏi từ ông, đó chính là một loại may mắn. Tôi đã không ở đây nếu không có Randy”.

Tôi đã từng trôi bồng bênh trong trạng thái không trọng lượng. Nhưng ngày hôm đó tôi còn trôi bồng bênh cao hơn thế. Tôi rất trân trọng việc Tommy bày tỏ tôi là người đã giúp tạo điều kiện cho những ước mơ của anh trở thành hiện thực. Điều thật sự đặc biệt là anh đền đáp đặc ân đó bằng cách tạo điều kiện cho những ước mơ của các sinh viên của tôi (và như vậy cũng chính là giúp tôi trong tiến trình này).

Sức mạnh của những ước mơ tuổi thơ, giáo sư Randy Pausch đã nhiệt thành nói về điều đó từ chính cuộc đời mình.

Còn những ước mơ của các con ông, ông nói gì về chúng trong lời từ biệt cuối cùng?

---o0o---

IV. Kỳ cuối: Có Ba Trên Bất Cứ Con Đường Nào Con Chọn

Có quá nhiều thứ tôi muốn nói với các con tôi, nhưng bây giờ chúng còn quá nhỏ để có thể hiểu được. Dylan vừa tròn sáu tuổi, Logan lên ba, Chloe thì mới mười tám tháng. Tôi muốn các con hiểu rằng tôi không muốn rời xa chúng một cách tuyệt vọng như thế nào.

Jai và tôi vẫn chưa hề nói với các con là tôi sẽ chết. Chúng tôi được khuyên là nên đợi tới lúc tôi thật sự đau yếu. Lúc này, tuy tôi chỉ còn vài tháng để sống, nhưng trông tôi vẫn khá khỏe mạnh. Do vậy các con tôi không hề nhận biết là trong từng giao tiếp với chúng, tôi đang nói lời từ biệt.

Tôi thật đau đớn phải nghĩ khi chúng lớn lên sẽ không có cha. Tôi chú tâm tới việc các con tôi sẽ mất những gì hơn là tôi sẽ mất những gì.

Người đi tìm kỷ niệm

Tôi biết là ký ức của các con về tôi có thể khá mơ hồ. Do vậy tôi cố gắng làm nhiều thứ cùng các con để chúng khó quên. Tôi muốn những gì chúng nhớ lại phải là rõ nhất có thể. Dylan và tôi đã có một kỳ nghỉ ngắn để bơi cùng cá heo. Một đứa trẻ bơi cùng với cá heo, nó sẽ không thể dễ dàng quên được một kỷ niệm như vậy. Tôi đã chụp khá nhiều ảnh.

Tôi sẽ đưa Logan tới Disney World, nơi tôi biết là nó sẽ thích như tôi. Nó thích gặp chuột Mickey. Tôi đã gặp chuột Mickey nên có thể giới thiệu với Logan. Jai và tôi cũng sẽ đưa Dylan đi cùng, bởi các trải nghiệm của Logan trong những ngày này sẽ không đầy đủ nếu không có sự chia sẻ của anh nó.

Tôi biết Chloe có thể sẽ không có ký ức gì về tôi cả. Nó còn quá nhỏ. Nhưng tôi muốn khi lớn lên nó sẽ biết rằng tôi là người đàn ông đầu tiên yêu thương nó. Tôi vẫn nghĩ tình cảm giữa cha với con gái thường hay bị khuếch đại. Nhưng nay thì tôi hiểu đó là điều có thật. Thịnh thoảng, Chloe ngược mắt nhìn tôi và tôi thấy thật sung sướng.

Có rất nhiều thứ Jai có thể kể cho các con về tôi khi chúng lớn thêm. Cô có thể kể về tinh thần lạc quan của tôi, về cách tôi đã vui với cuộc sống như thế nào, về việc tôi đã đặt ra những chuẩn mực cao cho cuộc đời tôi. Nhưng Jai khiêm tốn, khiêm tốn hơn tôi nhiều, nên chắc cô sẽ không kể với các con rằng trong cuộc hôn nhân của chúng tôi, cô có một người chồng đã thật sự yêu cô rất sâu sắc và chân thành.

Gần đây tôi có chủ đích nói chuyện với những người bị mất cha mẹ từ khi còn nhỏ. Tôi muốn biết điều gì đã giúp họ vượt qua được những khoảng thời gian khó khăn, và những cảm xúc nào là có ý nghĩa nhất đối với họ. Họ nói với tôi là được an ủi rất nhiều khi biết cha hoặc mẹ họ đã yêu thương họ nhiều như thế nào. Càng biết nhiều, họ càng thấy như vẫn có thể cảm nhận được tình yêu thương đó. Vì họ có rất ít ký ức về cha mẹ, nên cảm thấy yên lòng khi biết cha mẹ họ đã ra đi với những kỷ niệm đẹp đẽ về họ. Bởi vậy, tôi muốn các con tôi biết rằng những kỷ niệm về chúng là đây ắp trong tôi.

Hãy trở thành người mà các con muốn trở thành

Vì chỉ còn ít thời gian nên tôi phải nghĩ cách làm sao để thêm gắn bó với các con. Tôi viết ra những danh sách riêng các kỷ niệm của tôi với từng đứa. Tôi làm những đoạn video để chúng có thể biết những kỷ niệm đó đã có ý nghĩa nhiều như thế nào đối với tôi. Tôi viết những bức thư cho các con. Tôi cũng coi băng video ghi hình bài giảng cuối cùng và cuốn sách này là một phần tôi để lại cho các con. Tôi còn có một thùng nhựa lớn chứa đầy những bức thư nhận được trong mấy tuần sau bài giảng. Một ngày nào đó, các con sẽ muốn nhìn qua chiếc thùng này, và tôi hi vọng chúng sẽ hài lòng khi thấy cả bạn bè lẫn những người xa lạ đều cảm nhận bài giảng của tôi đầy ý nghĩa.

Bởi tôi quảng bá về sức mạnh của những ước mơ tuổi thơ, gần đây một số người đã hỏi về những ước mơ tôi có cho các con tôi.

Tôi có một câu trả lời rất thẳng thắn.

Có thể không thật đúng khi cha mẹ có những ước mơ thật cụ thể cho con cái họ. Là một giáo sư, tôi đã thấy nhiều sinh viên năm đầu thật bất hạnh khi phải chọn những chuyên ngành hoàn toàn không phù hợp với họ. Cha mẹ đã áp đặt họ lên một chuyến tàu, và khá thông thường chuyến tàu bị lật. Tôi đã chứng kiến nhiều nước mắt của sự thất vọng.

Như tôi nhìn nhận, công việc của cha mẹ là động viên con cái phát triển một niềm vui cho cuộc sống và một sự thôi thúc theo đuổi những ước mơ riêng. Điều tốt nhất cha mẹ có thể làm là giúp con cái xây dựng một tập hợp những công cụ cần thiết cho chúng.

Vậy nên những ước mơ của tôi cho các con tôi là rất chính xác: Tôi muốn chúng tìm thấy con đường riêng để hoàn thiện. Vì tôi sẽ không còn ở đó nên tôi muốn nói thật rõ ràng: “Các con, đừng có hiểu ba muốn các con trở thành những con người như thế nào. Ba muốn các con trở thành người mà các con muốn trở thành”.

Tôi chỉ thúc giục các con hãy tìm đường của chúng với lòng nhiệt thành và sự say mê. Và tôi muốn các con cảm nhận tôi luôn ở bên chúng, bất kể con đường nào chúng lựa chọn.

---o0o---

HẾT

¹ *Carnegie Mellon* là một đại học tổng hợp ở thành phố Pittsburgh, bang Pennsylvania, với hơn 10 ngàn sinh viên, 70 ngàn cựu sinh và 4 ngàn giảng viên và nhân viên. Với những chương trình nổi tiếng thế giới về nghệ thuật và công nghệ, những hợp tác liên ngành và vai trò tiên phong sáng tạo trong giáo dục, Carnegie Mellon luôn được xếp là một trường hạng đầu. (Tất cả các chú thích đều của người dịch.)

² *Pittsburgh* là thành phố lớn thứ hai của bang Pennsylvania với dân số 313 ngàn người và diện tích 55,5 dặm vuông. Khu chính của thành phố là vùng tam giác nơi hai con sông Allegheny và Monongahela gặp nhau để tạo thành sông Ohio. Thành phố có 151 ngôi nhà chọc trời, 446 chiếc cầu, hai tuyến đường sắt, và một pháo đài từ thời cổ. Pittsburgh nổi tiếng với tên gọi “Thành phố Cầu” và “Thành phố Thép” do có nhiều cầu và là nơi có công nghiệp luyện thép phát triển.

³ **Bang Virginia** của Hoa Kỳ trên bờ Atlantic, giáp ranh các bang North Carolina và Tennessee về phía nam, Kentucky về phía tây, West Virginia về phía tây bắc, và Maryland và District of Columbia về phía đông bắc. Bang được đặt theo tên Nữ hoàng Elizabeth I của Anh, người chưa bao giờ kết hôn, được gọi là ‘Nữ hoàng Đồng trinh’. Bang Virginia còn được gọi là “Old Dominion” và “Mẹ Tổng thống”, bởi là nơi sinh của tám tổng thống Hoa Kỳ.

⁴ **Bóng chày** là môn thể thao rất phổ biến ở Mỹ, chơi giữa hai đội, mỗi đội có chín người. Mục tiêu là ghi điểm các lần chạy (runs) bằng cách đánh một quả bóng với một cái chày và chạm một loạt bốn mốc gọi là các ô (bases) đặt ở các góc trên một sân chữ nhật chín mươi bộ (foot) vuông. Các cầu thủ của đội đánh (batting team) thay nhau đánh bóng trong khi đội chặn (fielding team) cản đối phương. Cầu thủ của đội đánh có thể dừng ở bất kỳ ô nào để ghi điểm với cú đánh của đồng đội. Hai đội thay phiên nhau, mỗi khi đội chặn loại được ba cầu thủ của đội đánh. Mỗi lượt đánh chày của một đội là một hiệp (inning); chín hiệp là một trận. Đội ghi nhiều lần chạy nhất ở cuối trận sẽ thắng.

⁵ **The Natural** là phim (1984) dựng theo cuốn tiểu thuyết về bóng chày có cùng tên (1952) của tác giả Bernard Malamud. Bộ phim được Barry Levinson dàn dựng với Robert Redford trong vai chính. Phim, cũng như tiểu thuyết, nói về những trải nghiệm của Roy Hobbs – một cầu thủ bóng chày “bẩm sinh” rất tài ba – kéo dài hàng thập kỷ với những thành công và thất bại.

⁶ **Johns Hopkins** (1795-1873) là một thương gia giàu có, làm nhiều việc thiện nguyện và chống chế độ nô lệ của Baltimore ở thế kỷ 19. Ông được biết đến nhiều qua việc xây dựng thiện nguyện các cơ sở mang tên ông gồm Đại học Tổng hợp Johns Hopkins, Bệnh viện Johns Hopkins và Đại học Y Johns Hopkins.

⁷ **Roy Hobbs** - Người hùng của The Natural. Roy rất giỏi và có nhiều tài năng thể thao, nhưng anh không thành công do có phối trộn tai hại của cái tôi, ham muốn ích kỷ, và sự ngây thơ. Khi còn là một cậu bé đang trên đường thăng tiến lên đội ngoại hạng, Roy bị Harriet Bird bắn gàn tử thương. Hơn mười năm sau, Hobbs trở lại với bóng chày, tuy tuổi đã cao, nhưng tinh thần và trái tim thì vẫn trẻ trung nguyên vẹn.

⁸ **PowerPoint** là phần mềm làm báo cáo thuyết trình của Microsoft. Là một phần của hệ thống Microsoft Office, chạy trên các hệ điều hành Microsoft Windows và Mac OS. PowerPoint được sử dụng rất rộng rãi và là công cụ phổ biến nhất để làm thuyết trình.

⁹ **San Francisco** là thành phố đông dân thứ tư ở bang California và thứ 14 ở Hoa Kỳ, với dân số ước tính năm 2007 là 765 ngàn người. Thành phố nằm trên mỏm của bán đảo San Francisco Peninsula, với Thái bình dương ở phía tây, vịnh San Francisco ở phía đông, và cầu Golden Gate ở phía bắc.

¹⁰ **Sabbatical** là một kỳ nghỉ tách khỏi công việc. Nguyên lý sabbatical có nguồn gốc ở nhiều đoạn trong kinh thánh với điều răn phải ngừng làm việc đồng áng vào mỗi năm thứ bảy. Theo nghĩa chặt chẽ, một sabbatical kéo dài một năm. Hiện nay, người ta thường lấy sabbatical, tách khỏi công việc, để hoàn tất một mục tiêu, như viết một cuốn sách, hoặc đi nghiên cứu ở một nơi khác. Trong giới hàn lâm, sabbatical thường có sau sáu năm làm việc liên tục, và thường kéo dài nửa năm với toàn bộ lương, hoặc một năm với nửa lương

¹¹ **Imagineer** (chính thức là Walt Disney Imagineer), là nhân viên của Walt Disney Imagineering, hoặc bất kỳ nhân viên nào của The Walt Disney Company được mang chức danh này. Hầu hết các Imagineers làm việc tại trụ sở chính ở Glendale, California, để sáng tạo các ý tưởng và trò chơi cho các công viên Disney. Trong lúc thực hiện các đề án lớn, Imagineers thường làm việc tại chỗ từ sáu tháng tới một năm. Imagineers có thể bao gồm các nghệ sĩ, nhà văn, kiến trúc sư, nhà trang trí ngoại cảnh, kỹ sư, nhà xây dựng mô hình, nhà quản lý xây dựng, kỹ thuật viên và nhà thiết kế.

¹² **Walter Elias Disney** (sinh 5/12/1901 – mất 15/12/1966) người dành nhiều giải Oscar với tư cách là nhà sản xuất, giám đốc, người viết kịch bản, diễn viên lồng tiếng, người làm hoạt hình, doanh nhân và người làm thiện nguyện. Disney nổi tiếng về ảnh hưởng của ông trong lĩnh vực giải trí trong thế kỷ hai mươi. Ông đã (cùng với em là “Roy O. Disney”) sáng lập Walt Disney Productions, một trong những hãng sản xuất phim nổi tiếng nhất thế giới. Hãng Walt Disney có doanh thu hàng năm khoảng 35 tỷ đô la Mỹ. Disney đặc biệt nổi tiếng là người sáng tạo trong hoạt hình và thiết kế các công viên giải trí. Ông và công sự đã phát minh nhiều hình tượng hư cấu nổi tiếng thế giới, bao gồm cả chú Mèo “Mickey Mouse”. Ông được đề cử năm mươi chín lần và được nhận hai mươi sáu giải Oscar, bao gồm cả kỷ lục bốn giải trong một năm, và giữ kỷ lục cá nhân được giải nhiều nhất và được đề cử nhiều nhất. Ông cũng đoạt bảy giải “Emmy Awards”. Tên của ông được đặt cho công viên “Disneyland Park (Anaheim)” và “Walt Disney World Resort” ở Hoa Kỳ, Nhật, Pháp và Trung Hoa.

¹³ **Computed tomography (CT)** là một phương pháp ảnh y học. Kỹ thuật xử lý hình học số được dùng để tạo một ảnh ba chiều về hình bên trong của một vật thể

từ một lượng lớn các ảnh X-quang hai chiều chụp quanh một trục quay. Chữ “tomography” có gốc Hy Lạp tomos (lát cắt) và graphein (ghi).

¹⁴ **Battle of the Bulge.** Trận *Ardennes* (16/12/1944 – 25/01/1945) là cuộc phản công chính của Đức cuối Thế Chiến II qua vùng núi Ardennes thuộc Bỉ, Pháp và Luxembourg trên Mặt trận miền Tây. Cuộc phản công có tên Đức là *Unternehmen Wacht am Rhein* (Lá chắn sông *Rhine*). Quân đội Mỹ đặt tên cuộc phản công là Trận đánh *Ardennes*, nhưng được công chúng biết nhiều dưới tên Trận *Bulge*. “Bulge” là viết tắt tiếng Đức, chỉ đường tấn công của quân Đồng minh.

¹⁵ **Columbia.** Một vùng ngoại ô của thành phố Baltimore và Thủ đô Washington, DC, hiện có hơn 97 ngàn dân.

¹⁶ Theory Qualifier. Lý thuyết đầy đủ bao gồm ba lĩnh vực chính: 1) cấu trúc dữ liệu và thuật toán, 2) lý thuyết độ phức tạp, và 3) ô tô mát và ngôn ngữ hình thức.

¹⁷ Presbyterian. Giáo hội Trưởng lão là giáo hội (đặc biệt là giáo hội quốc gia của Scotland) được cai quản bởi các trưởng lão, chủ trương bình đẳng về cấp bậc.

¹⁸ The *National Aeronautics and Space Administration (NASA)* là cơ quan của Chính phủ Hoa Kỳ, chịu trách nhiệm về chương trình không gian quốc gia. NASA được thành lập ngày 29 tháng 7 năm 1958 theo điều luật Hàng không và Vũ trụ Quốc gia. Bên cạnh chương trình không gian, NASA cũng chịu trách nhiệm về nghiên cứu dài hạn trong lĩnh vực hàng không dân sự và quân sự.

¹⁹ **Virtual reality (VR)** là công nghệ cho phép người sử dụng tương tác với một môi trường, – có thật hoặc giả tưởng – được mô phỏng bởi máy tính. Phần lớn các môi trường hiện thực ảo dựa chủ yếu vào các kinh nghiệm trực giác, được hiện trên màn hình máy tính hoặc trên các kính hiển thị đặc biệt, đôi khi bao gồm cả âm thanh. Một số hệ thống phát triển còn bao gồm thông tin xúc giác, thường được biết tới như những phản hồi trong các ứng dụng y tế hoặc các trò chơi. Người sử dụng có thể giao tiếp với môi trường ảo thông qua thiết bị đầu vào như bàn phím và chuột, hoặc thiết bị nhiều một như găng tay điện. Môi trường mô phỏng có thể giống môi trường thật, thí dụ, mô phỏng cho phi công hoặc cho huấn luyện chiến đấu, hoặc có thể rất xa thực tiễn như trong các trò chơi. Hiện còn rất khó để tạo những kinh nghiệm hiện thực ảo chất lượng cao, chủ yếu do các giới hạn kỹ thuật về tốc độ xử lý, độ phân giải ảnh và giải băng truyền. Trong tương lai, những giới hạn này sẽ được khắc phục khi có kỹ thuật xử lý, ảnh số, và truyền số liệu tốt hơn và rẻ hơn.

²⁰ **Football** là môn bóng bầu dục rất phổ biến ở Mỹ. Môn thể thao được chơi như sau:

Hai đội chơi, mỗi đội có 11 người;

Một sân chơi bóng;

Ghi bàn hoặc điểm bằng cách chuyền bóng về cuối sân của đối phương, hoặc là vào gôn, hoặc xuống dưới một vạch định sẵn;

Gôn hoặc vạch được bảo vệ bởi đội của đối phương;

Các cầu thủ chuyền bóng bằng cách đá, mang hoặc chuyền tay; và

Bàn thắng hoặc điểm được ghi khi các cầu thủ đưa bóng vào giữa hai cột gôn của đối phương.

²¹ **The Pennsylvania State University** (thường gọi là **Penn State**) là trường đại học công ở bang Pennsylvania. Trường có 24 cơ sở, bao gồm cả một khuôn viên thế giới ảo. Trường có tổng cộng khoảng 84 ngàn sinh viên, lớn thứ mười trong các đại học công ở Hoa Kỳ. Penn State có chương trình đào tạo trên 160 chuyên ngành và quản lý khoản kinh phí 1,6 tỷ Đô la Mỹ.

²² The **World Book Encyclopedia** là bách khoa toàn thư bán chạy nhất thế giới. Tập sách chứa kiến thức về tất cả các lĩnh vực chính, đặc biệt tập trung vào các chủ đề khoa học, kỹ thuật và y học. The **World Book Encyclopedia** có trụ sở ở Chicago, bang Illinois. Ấn bản lần đầu (1917) gồm tám tập. Những ấn bản mới được phát hành hàng năm, trừ các năm 1920, 1924, và 1932, với các sửa đổi chính vào năm 1930 (13 tập), 1947 (18 ngàn minh họa), 1960 (20 tập), và 1988.

²³ The **Zulu** là sắc tộc lớn nhất của Nam Phi với khoảng 10-11 triệu người, sống chủ yếu ở tỉnh KwaZulu-Natal, Nam Phi. Một bộ phận nhỏ hơn sống ở Zimbabwe, Zambia, và Mozambique. Ngôn ngữ của họ, isiZulu, là dòng Bantu. Vương quốc Zulu đóng vai trò lớn trong lịch sử Nam Phi trong các thế kỷ 19 và 20. Dưới chế độ apartheid, người Zulu bị xếp là công dân loại ba và chịu sự đàn áp của tệ phân biệt chủng tộc. Ngày nay, họ được bình đẳng với mọi công dân khác.

²⁴ **Wikipedia** là một đề án bách khoa toàn thư đa ngữ trên mạng mà người dùng không mất phí. Tên Wikipedia là ghép của các từ wiki (một dạng trang Web hợp tác) và encyclopedia (bách khoa toàn thư). Các bài viết của Wikipedia cung cấp các liên kết (links) để dẫn người dùng tới các trang cần thiết với các kiến thức bổ xung. Wikipedia được viết một cách hợp tác bởi những người tình nguyện trên khắp thế giới. Từ lúc thiết lập năm 2001, Wikipedia đã phát triển rất nhanh thành một trong những trang Web tra cứu lớn nhất, thu hút hơn 684 triệu lượt người xem hàng năm (thời điểm 2008). Đã có hơn 75 ngàn người đóng góp cho hơn 10 triệu bài viết bằng hơn 250 thứ tiếng.

²⁵ **James Tiberius Kirk** là nhân vật giả tưởng và là nhân vật chính trong các phim tập Star Trek. Diễn viên William Shatner đóng vai này trong suốt bốn mươi năm.

²⁶ The **Enterprise** or **USS Enterprise** (còn thường được gọi là Enterprise) là tên của nhiều con tàu ngôi sao (starships) giả tưởng, trung tâm điểm của các phim truyền hình và phim truyện Star Trek.

²⁷ **Star Trek** là phim giải trí truyền hình khoa học viễn tưởng Mỹ rất nổi tiếng của tác giả Gene Roddenberry. Star Trek gồm sáu tập phim truyền hình khởi đầu từ 1966, cùng mười phim truyện, hàng chục trò chơi máy tính và video, hàng trăm cuốn truyện, cũng như một theme công viên ở khu giải trí Las Vegas. Riêng loạt phim truyền hình đầu tiên cũng đã đủ tạo thành một hiện tượng độc đáo, là khởi nguồn cho nhiều trào lưu văn hóa quần chúng.

²⁸ **Carnival** là mùa hội tháng Hai và tháng Ba trước lễ Phục Sinh, thường gồm các lễ hội quần chúng hoặc diễu hành có kết hợp các thứ như diễn xiếc và các trò vui trên đường phố. Mọi người thường hóa trang hay đeo mặt nạ trong các lễ hội này.

²⁹ **Adonis** một vị thần trong thần thoại Hy Lạp, biểu tượng cho tuổi trẻ.

³⁰ **Midway Games** là những trò chơi của hãng sản xuất trò chơi video Mỹ mang tên Midway. Những trò chơi nổi tiếng nhất có Mortal Kombat, Ms. Pac-Man, Spy Hunter, Tron và NBA Jam

³¹ **Goodwill Industries International** là một trong những tổ chức phi vụ lợi lớn nhất thế giới, cung cấp các dịch vụ đào tạo, huấn luyện và dạy nghề cho những người có thiệt thòi như bị phụ thuộc vào an sinh xã hội, vô gia cư, không được đi học hoặc thiếu kinh nghiệm làm việc, cũng như những người tàn tật hoặc bị tâm thần. Goodwill có mạng lưới gồm 184 tổ chức độc lập ở Mỹ, Canada và 14 nước khác.